



BỘ TƯ PHÁP



HỖ TRỢ PHÁP LÝ
LIÊN NGÀNH



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁP LUẬT VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

Những vấn đề về Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định, liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển

HÀ NỘI THÁNG 10 NĂM 2023

MỤC LỤC

01

Giảm chi phí tuân thủ pháp luật, góc nhìn và kiến nghị từ phía cộng đồng doanh nghiệp

Luật sư Nguyễn Hưng Quang

06

Thực trạng môi trường kinh doanh, rào cản điều kiện kinh doanh và gợi ý giải pháp thực hiện nhìn từ góc nhìn của tổ chức đại diện doanh nghiệp VINASME

ThS. Trần Văn Hiến

12

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục trong ngành hải quan và giải pháp thực thi hiệu quả quy định của pháp luật

Ông Nguyễn Văn Tốt

19

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn làm cản trở gia nhập thị trường đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Bà Nguyễn Thị Hương

24

Vướng mắc thủ tục hoàn thuế nhìn từ những vụ việc cụ thể

Bà Lương Thị Thùy Linh

28

Những vướng mắc của doanh nghiệp trong việc lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án thuộc trường hợp phải chấp thuận chủ trương để tổ chức đấu thầu, đấu giá

Ông Nguyễn Văn Lâm

32

Tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp về thủ tục liên quan “giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài”

ThS. Đỗ Hà Anh

37

Các kiến nghị hoàn thiện luật đấu giá để ngăn chặn tình trạng quân “xanh” quân “đỏ”

Đấu giá viên Nguyễn Mạnh Hùng

41

Thực trạng vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ trong cấp phép đủ điều kiện PCCC với doanh nghiệp

Ông Nguyễn Hoàng Phương

47

Gỡ vướng cho doanh nghiệp về thủ tục kiểm dịch hàng xuất, nhập khẩu có nguồn gốc thực vật

TS. Phạm Thị Lý

52

Quy định về xin cấp giấy phép môi trường - những vấn đề pháp lý và thực tiễn

ThS. Vũ Hải Việt

59

Nhận định của doanh nghiệp, thước đo đánh giá mức độ cải cách thủ tục hành chính về thuế năm 2023

Ông Nguyễn Văn Học

“Bản tin này được xây dựng trên cơ sở Hợp đồng số 19/BTP-HTPLLN ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025 và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực về việc xây dựng bản tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. Quan điểm trong nghiên cứu này là của tác giả và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực; không đại diện cho quan điểm của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 và Bộ Tư pháp”

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2021. Mục tiêu tổng thể của Chương trình là: (i) triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; (ii) định hướng cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, ngành, địa phương; (iii) nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy sự tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật kịp thời nhằm phục vụ doanh nghiệp phát triển, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Nhóm các hoạt động chính của Chương trình:

- Nhóm hoạt động cung cấp thông tin pháp lý;
- Nhóm hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật;
- Nhóm hoạt động tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

GIẢM CHI PHÍ TUẦN THỦ PHÁP LUẬT, GÓC NHÌN VÀ KIẾN NGHỊ TỪ PHÍA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

Luật sư Nguyễn Hưng Quang

*Trưởng Văn phòng LS NHQuang và Cộng sự,
Chủ tịch Trung tâm Hòa giải Thương mại quốc tế Việt Nam*



*Bộ Tư pháp Tổ chức hội nghị về cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật
(Ảnh minh họa)*

Khái niệm chi phí tuân thủ pháp luật Theo thông lệ quốc tế, đặc biệt là tại các quốc gia thuộc thành viên tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development viết tắt là OECD), “chi phí tuân thủ pháp luật” được hiểu là các loại chi phí liên quan tới việc tuân thủ, thực hiện một quy định của pháp luật, bao gồm các chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Đối tượng chịu chi phí đó có thể là doanh nghiệp, người dân và chính phủ.

Ở Việt Nam, chi phí tuân thủ pháp luật được đề cập nhiều trong nhiều

năm vừa qua, và được giao cho Bộ Tư pháp là cơ quan theo dõi, và việc hiểu về “chi phí tuân thủ pháp luật” cũng không nằm ngoài cách hiểu chung của quốc tế, cụ thể tuân thủ pháp luật được tạo ra từ một quy định pháp luật qua hoạt động của cơ quan nhà nước (khi tiến hành các hoạt động soạn thảo, thông qua, thực thi các văn bản pháp luật) và cá nhân, tổ chức khi tuân thủ quy định pháp luật. Chi phí tuân thủ pháp luật của cá nhân, tổ chức được hiểu theo hai nghĩa (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng). Theo đó, chi phí tuân thủ pháp luật được hiểu là các chi phí

mà người dân, tổ chức (trong đó có các doanh nghiệp) phải gánh chịu trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật. Chi phí tuân thủ pháp luật (theo nghĩa hẹp) bao gồm 03 loại chi phí: Chi phí hành chính, chi phí đầu tư để tuân thủ quy định, Phí và lệ phí¹.

Chi phí tuân thủ pháp luật không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của người dân mà còn ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Trong trường hợp tại những nước chậm phát triển các doanh nghiệp và người dân phải chi nhiều tiền hơn cho việc tuân thủ pháp luật sẽ ít có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp và người dân có chi phí tuân thủ pháp luật thấp hơn ở các nước phát triển. Hệ lụy tiếp theo là sản xuất bị suy giảm, giá cả hàng hóa, dịch vụ bị đẩy lên cao; công ăn, việc làm bị cắt giảm.

Thực tiễn chi phí tuân thủ pháp luật ở Việt Nam dưới góc nhìn của doanh nghiệp

Đối chiếu với khái niệm về chi phí tuân thủ pháp luật nêu trên, ở góc độ thực tiễn, các doanh nghiệp nhận thấy chi phí tuân thủ pháp luật ở trong nhiều lĩnh vực có chiều hướng giảm do cải cách TTHC và điều kiện kinh doanh được thực hiện trong nhiều năm gần đây. Ví dụ như chỉ trong năm 2022, có đến 1.101 quy định kinh doanh đã cắt giảm, đơn giản hóa; 924 quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, việc áp dụng các ưu thế của

¹ Theo điểm 1.1 mục 1 phần I Tài liệu hướng dẫn nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (Kèm theo Công văn số 1083/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29/3/2019 của Bộ Tư pháp.

CMCN 4.0 nên nhiều TTHC được thực hiện trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 nên thuận tiện nhiều cho người dân, doanh nghiệp. Với những khó khăn do những tác động bởi đại dịch Covid-19 trong các năm 2020 và 2021, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số được ban hành và triển khai mạnh, nhu cầu của các doanh nghiệp đối với việc thực hiện TTHC trực tuyến rất cao. Các cơ quan hành chính nhà nước và hệ thống Tư pháp cũng có nhiều thay đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các TTHC bằng phương thức điện tử... Cải cách TTHC ở các địa phương cũng có nhiều chuyển biến. Nhiều địa phương đã áp dụng mô hình TTHC một cửa và trực tuyến trong thời gian gần đây nên cũng đã giảm được nhiều chi phí tuân thủ TTHC nói riêng và chi phí tuân thủ pháp luật nói chung.

Theo đánh giá của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho thấy chi phí không chính thức có xu hướng giảm, bao gồm cả chi phí không chính thức ở các cơ quan hành chính nhà nước và Tòa án. So với 70% doanh nghiệp phản ánh phải trả chi phí không chính thức vào năm 2006 thì đến năm 2022 số doanh nghiệp phản ánh thực trạng này chỉ còn 53,6%².

Mặc dù có những cải cách mạnh mẽ như vậy, chi phí tuân thủ pháp luật vẫn còn có nhiều vấn đề cần phải cải thiện hơn nữa để giảm gánh nặng cho doanh nghiệp. Cũng theo phản ánh của doanh nghiệp, tình trạng các cơ quan nhà nước tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp

² Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2022 của Liên đoàn Thương mại Công nghiệp Việt Nam

nhưng lại xử lý chậm, quá hạn làm cho doanh nghiệp mất hoặc giảm cơ hội kinh doanh hoặc tình trạng hệ thống tiếp nhận đơn, tài liệu trực tuyến của nhiều cơ quan thường xuyên bị nghẽn nên doanh nghiệp không thể thực hiện được thủ tục trực tuyến... Một số quy định về điều kiện kinh doanh cũng chưa thực sự rõ ràng làm cho doanh nghiệp gặp khó khăn khi tuân thủ và phát sinh thêm chi phí. Ngoài ra, nhiều văn bản, có yếu tố mâu thuẫn, chồng chéo, dẫn đến cách hiểu của các Sở ngành khi thực thi khác nhau, điều đó khiến doanh nghiệp không biết xoay sở thế nào ghi gặp phải các vướng mắc pháp lý.

Nguyên nhân khiến chi phí tuân thủ pháp luật vẫn còn cao

Vấn đề đầu tiên có thể nhận thấy đầu tiên là chất lượng xây dựng các

quy định pháp luật của nhiều cơ quan, bộ, ngành ở Trung ương và địa phương chưa được tốt dẫn đến các quy định pháp luật khó hiểu, khó áp dụng hoặc chưa tính đến khả năng thực thi và chi phí thực thi của doanh nghiệp. Đặc biệt, chất lượng của một số văn bản dưới Luật, các văn bản được ban hành khi tư duy vẫn còn nặng về quản lý, dùng câu chữ khó hiểu, chưa thực sự đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm để hỗ trợ đã làm phát sinh nhiều chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp trong giai đoạn này, cá biệt có nhiều văn bản ban hành dưới dạng công văn chỉ đạo trong ngành nhưng có tính chất quy phạm, khiến doanh nghiệp gặp lúng túng khi vận dụng. Gần đây, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang tiến hành công tác rà soát các quy định pháp luật gây cản trở cho sự



Kiểm tra, làm thủ tục xuất nhập khẩu. (Ảnh minh họa: TTXVN)

phát triển kinh tế để loại bỏ hoặc sửa đổi nhưng hiệu quả của công tác này chưa được nhiều và có thể phát sinh hiệu quả sau này do độ trễ của công tác xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật.

Vấn đề thứ hai là việc cải cách TTHC ở một số ngành, lĩnh vực ở Trung ương cũng như địa phương chưa thực sự triệt để nên vẫn tạo ra chi phí tuân thủ pháp luật cao. Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thường niên của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính đã cho thấy nhiều lĩnh vực và địa phương vẫn chưa thực hiện cải cách TTHC thực chất, hiệu quả nên vẫn tạo nên chi phí tuân thủ cao.

Vấn đề thứ ba là chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin để áp dụng cho việc thực hiện và xử lý TTHC bằng phương thức điện tử, đặc biệt là các TTHC thực hiện ở cấp độ 4 (trực tuyến hoàn toàn). Việc nghẽn mạng khi nộp hồ sơ, tài liệu đã dẫn đến doanh nghiệp phải lựa chọn phương thức thực hiện trực tiếp với chi phí tuân thủ cao hơn. VD: lĩnh vực xin cấp phiếu lý lịch tư pháp tại các đô thị lớn.

Khó khăn thách thức cho việc cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật

Thứ nhất, khó khăn trong việc nâng cao chất lượng xây dựng các quy định pháp luật để bảo đảm không còn các quy định mâu thuẫn, quy định khó hiểu, quy định gây cản trở cho hoạt động kinh doanh hoặc quy định đặt ra thêm các điều kiện làm phát sinh chi phí tuân thủ.

Thứ hai, khó khăn và thách thức trong việc nâng cao chất lượng xử lý hồ sơ thực hiện TTHC. Thông tin ở

Cổng dịch vụ công quốc gia cho thấy tình trạng hồ sơ bị quá hạn còn rất cao, thường trên 60% hàng tháng.

Thứ ba, chất lượng về hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện và xử lý thủ tục hành chính chưa tốt, đồng bộ nên gây ra các tình trạng nghẽn mạng.

Thứ tư, tình trạng những nhiễu vẫn còn ở mức cao dù đã có nhiều cải thiện. Như đã nêu ở trên, xấp xỉ 50% doanh nghiệp vẫn gặp tình trạng những nhiễu qua khảo sát PCI.

Đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trong việc cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Chuyển biến về nhận thức liên quan đến việc cắt giảm chi phí tuân thủ trong hoạt động của cơ quan Nhà nước bao gồm cả hoạt động lập pháp và hành pháp, tư pháp của nước ta hiện nay là một bước tiến về phía trước của nền quản trị quốc gia. Tuy nhiên, chúng ta cần nhanh chóng biến nhận thức thành hành động cụ thể.

Trước hết cần sắp xếp lại các quy định để giảm sự chồng chéo và mâu thuẫn. Các quy định như vậy cần được bãi bỏ, sửa đổi hoặc hợp nhất để giảm chi phí tuân thủ.

Thứ hai, sử dụng công nghệ để tự động hóa các quy trình tuân thủ. Công nghệ có thể được sử dụng để tự động hóa các quy trình tuân thủ, chẳng hạn như thủ tục nộp thuế, báo cáo an toàn lao động và quản lý môi trường. Điều này có thể giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Thứ ba, *cung cấp hỗ trợ* cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tuân thủ pháp luật. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường có nguồn lực hạn chế để

tuân thủ pháp luật. Nhà nước cần cung cấp hỗ trợ cho các doanh nghiệp này, chẳng hạn như cung cấp thông tin, đào tạo và tư vấn.

Để triển khai những hành động nói trên cần bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và sự tham gia của các doanh nghiệp và người dân. Các

cơ quan nhà nước cần phối hợp chặt chẽ với nhau để giảm sự chồng chéo và mâu thuẫn trong các quy định. Các doanh nghiệp và người dân cần được tham gia để đảm bảo rằng các cải cách đáp ứng nhu cầu của họ và hiệu quả trong việc cắt giảm chi phí tuân thủ.

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, RÀO CẢN ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VÀ GỢI Ý GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHÌN TỪ GÓC NHÌN CỦA TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP VINASME

*ThS. Trần Văn Hiến,
Phó Ban Hội viên và truyền thông
(VINASME)*

Cải cách môi trường kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Chính phủ về các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, chương trình cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 và khủng hoảng từ những yếu tố bất định bên ngoài thì cải cách môi trường kinh doanh (MTKD) sẽ tác động đến

cách thức vượt qua khó khăn và mức độ tận dụng cơ hội của các doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây môi trường kinh doanh mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, trong đó rào cản về điều kiện kinh doanh đang có xu hướng mở rộng. Một số Bộ, ngành ban hành và thực thi các quy định về điều kiện kinh doanh với mức độ khắt khe và khó khăn hơn. Tình trạng này nếu không sớm được



*Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)*

khắc phục có thể làm xói mòn các kết quả cải cách và làm suy giảm niềm tin của doanh nghiệp.

Dưới góc độ quan sát của cộng đồng doanh nghiệp, chúng tôi nhận thấy những kết quả đạt được và những rào cản còn đang hiện hữu đòi hỏi phải có những quyết tâm cải cách kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển trong tình hình mới.

Chất lượng điều kiện kinh doanh trong một số lĩnh vực được cải thiện rõ nét, môi trường kinh doanh được thuận lợi.

Cắt giảm điều kiện kinh doanh, chất lượng ĐKKD trong một số lĩnh vực đã được cải thiện. Cụ thể: ĐKKD trong một số lĩnh vực được thiết kế có hệ thống, rõ ràng, dễ hiểu, dễ theo dõi; Số lượng ĐKKD quy định chung chung, thiếu minh bạch, khó tiên liệu đã giảm đáng kể so với trước năm 2019; ĐKKD về nhân sự, cơ sở vật chất cũng được quy định rõ và giảm mức độ đáp ứng điều kiện; Các yêu cầu điều kiện về phù hợp với quy hoạch hoặc có phương án, kế hoạch kinh doanh đã được cắt giảm đáng kể; Các yêu cầu về vốn được bãi bỏ ở hầu hết các lĩnh vực;... Từ đó tạo xu hướng xây dựng pháp luật minh bạch. Hầu hết các nghị định sửa đổi về điều kiện kinh doanh đã được ban hành (dưới hình thức một nghị định sửa nhiều nghị định quy định về điều kiện kinh doanh) để cắt bỏ, đơn giản hóa khoảng 50% số điều kiện kinh doanh. Đây là con số hết sức tích cực.

Cải cách hệ thống thuế. Đối với hệ thống thuế, ngành Thuế là một trong những cơ quan quản lý nhà nước đã đạt được những kết quả xuất sắc trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, cải

cách TTHC. Thông qua ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ quan Thuế đã tiếp nhận và trả kết quả giải quyết các TTHC bằng phương thức điện tử. Gần đây, cơ quan thuế đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm hỗ trợ người nộp thuế thực hiện TTHC thuế thông qua việc tích hợp dịch vụ hành chính thuế điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai hệ thống kê khai, nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài; triển khai ứng dụng trên điện thoại thông minh hỗ trợ người nộp thuế TNCN (eTax Mobile).

Cùng với kê khai thuế điện tử, cơ quan thuế cũng phối hợp với các ngân hàng thương mại để triển khai hệ thống nộp thuế đối với dành cho DN. Tỷ lệ số DN sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử đã tăng rất nhanh từ 55% năm 2016 lên 97,57% năm 2017 và duy trì tỷ lệ khá cao ở mức 98% đến trên 99% những năm sau đó. Đặc biệt, từ năm 2017, cơ quan thuế bắt đầu triển khai hệ thống hoàn thuế điện tử dành cho DN, theo đó, từ 30,8% số hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử năm 2017 đã tăng lên 87,85% vào năm 2018 và tăng dần khá đều đặn qua các năm lên 99% năm 2022.

Đặc biệt, việc rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC thuế được Tổng cục Thuế gắn với việc tham mưu để Bộ Tài chính ban hành Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, các mẫu biểu về thủ tục thuế đã giảm bớt những chỉ tiêu không thực sự cần thiết và hướng



Hội thảo “Tháo bỏ rào cản điều kiện kinh doanh: Lựa chọn cải cách cho phát triển doanh nghiệp” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức sáng ngày 06/7/2023
(Nguồn: VOV)

dẫn kê khai rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện. Nhờ cải cách TTHC, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào tất cả các khâu của quy trình quản lý, ngành Thuế đã góp phần bảo đảm cho việc thu NSNN từ thuế được liền mạch, hiệu quả cao. Mặt khác, cải cách TTHC ở tất cả các khâu quản lý thuế đã góp phần giảm chi phí tuân thủ các pháp luật về thuế cho người dân, DN; đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy trình của cơ chế tự khai, tự nộp.

Cải cách phương thức giao dịch ngân hàng, thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ, từ năm 2020 đến nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa, 33 quy định thuộc 04 nhóm ngành nghề kinh doanh, cụ thể: Năm 2022, thanh toán qua kênh di động, phương thức QR Code tăng

trường trên 100% so với năm 2021; 74,63% người Việt Nam trưởng thành có tài khoản thanh toán tại ngân hàng; hơn 3,71 triệu tài khoản Mobile-Money đã được mở với khoảng hơn 70% được mở tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...; hệ sinh thái số, thanh toán số đã được thiết lập kết nối giữa dịch vụ ngân hàng với nhiều dịch vụ khác trong nền kinh tế để cung ứng trải nghiệm liền mạch cho khách hàng, nhiều ngân hàng Việt Nam có tỉ lệ trên 90% giao dịch thực hiện trên kênh số.

Trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, năm 2020, NHNN xếp loại A về công tác bảo đảm an toàn thông tin, xếp thứ nhất về kiến tạo thể chế và xếp thứ hai trong số các bộ, ngành về chỉ số chuyển đổi số (DTI); năm 2021, NHNN xếp thứ nhất về công tác bảo đảm an toàn thông tin, xếp thứ hai về kiến tạo thể chế và xếp thứ tư về chỉ số DTI và trong năm 2022, các chỉ số

và xếp hạng vẫn được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì và phát huy. Tạo điểm tựa cải cách thủ tục từ chuyển đổi số.

Với việc đi đầu trong cải cách thủ tục hành chính ngay từ giai đoạn triển khai Đề án 30, NHNN là cơ quan đầu tiên công bố Bộ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý, đã hoàn thành thực thi phương án đơn giản hóa 147/213 TTHC (đạt 70%). Từ năm 2018 đến nay, 29% điều kiện kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa; đáp ứng tốt yêu cầu giao dịch hành chính thuận tiện, minh bạch, tiết giảm chi phí đối với doanh nghiệp và người dân.

Những chồng chéo bất cập còn hiện hữu

Mặc dù Nhà nước đã có những hoạt động cải cách mạnh mẽ về điều kiện kinh doanh, các quy định kinh doanh nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng, đề xuất cắt giảm nhiều khi còn mang tính hình thức, chưa có tính đột phá, cải cách; nhiều quy định về điều kiện kinh doanh vẫn còn bất hợp lý. Ví dụ: việc thiết kế hệ thống phân phối phụ thuộc lẫn nhau trong lĩnh vực xăng dầu đã tác động đến thị trường bán lẻ xăng dầu trong thời gian qua; kiểm soát, cắt giảm cái cũ, cái hiện có nhưng không kiểm soát cái mới ban hành, cái đang soạn thảo; thủ tục hành chính vẫn phiền hà...

Ngoài ra, có một số ngành nghề được quy định tại pháp luật chuyên ngành, nhưng không thống nhất với tên quy định tại Luật Đầu tư 2020; một số ngành nghề chưa có cơ sở thuyết phục về sự cần thiết phải quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; một số ngành nghề hiện Chính phủ chưa quy

định về ĐKKD; một số ngành nghề không có trong Danh mục, nhưng vẫn ban hành ĐKKD; một số ngành nghề đã được bãi bỏ khỏi Danh mục của Luật Đầu tư 2020, nhưng Nghị định quy định về ĐKKD vẫn còn hiệu lực thi hành. Mặt khác, có sự không nhất quán trong xác định ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Một vấn đề nổi lên là có sự chồng chéo, xâm lấn giữa các Nghị định về đối tượng điều chỉnh, tác động. Cụ thể, một nghề nhưng lại được điều chỉnh bởi nhiều nghị định. Chẳng hạn, trong lĩnh vực khoáng sản, có cả nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo) và nghị định đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực công thương (do Bộ Công thương soạn thảo). Hay cũng là điều chỉnh những nghề giáo dục nhưng nếu giáo dục y tế thì lại do hai bộ điều chỉnh hoặc giáo dục nghề, hướng nghiệp... thì có thêm Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Điều này vô hình chung không chỉ gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật (dẫn chiếu điều luật, tìm văn bản để áp dụng) mà doanh nghiệp sẽ không biết rõ là trong quá trình hoạt động kinh doanh thì sẽ tuân thủ theo văn bản nào, hay từng giai đoạn kinh doanh lại điều chỉnh theo một văn bản. Nếu nhìn ở góc độ này, thì các quy định pháp luật không còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển nữa. Thực tế vào thời điểm này giải quyết vấn đề nêu trên không dễ, nhất là khi dự thảo văn bản đang ở giai đoạn thẩm định, thẩm tra hoặc đã trình Chính phủ. Tuy

nhiên, không vì thế mà không làm bởi như đã phân tích ở trên. Cần rà soát lại những vấn đề còn vướng tại các dự thảo để có sự điều chỉnh trước khi ban hành, bảo đảm tính hiệu quả của văn bản

Điều kiện kinh doanh hay tiêu chuẩn, quy chuẩn?

Một thực trạng nữa là, do thiếu thống nhất trong cách hiểu về quy định điều kiện đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư nên khó khăn trong việc xác định phạm vi điều chỉnh; nhiều nội dung quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh còn lẫn với quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, nhất là các nghị định về điều kiện đầu tư được nâng lên từ thông tư, dẫn đến nhiều dự thảo văn bản không chỉ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh mà còn quy định các vấn đề về thực hiện điều kiện đầu tư kinh doanh. Có thể thấy rõ sự lẫn lộn này ở các dự thảo Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực hải quan; Nghị định về điều kiện kinh doanh đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cụ thể trong lĩnh vực giao thông - vận tải có 36 ngành nghề kinh doanh có điều kiện, sau khi rà soát, Bộ đã quyết định bỏ điều kiện trong nghề kinh doanh bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Hiện có sự lẫn lộn giữa những quy định về điều kiện gia nhập thị trường (hiểu nôm na là điều kiện kinh doanh) và điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn. Thực tế, để đủ điều kiện gia nhập thị trường thì cần thỏa mãn các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật do các bộ, ngành quy định.



*Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)*

Trong lĩnh vực Y tế, thực tế nhiều doanh nghiệp cũng thực tế, không ít người băn khoăn giữa tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật. Đặc tính kỹ thuật của thiết bị, cơ sở vật chất, con người đó có phải là điều kiện kinh doanh không. Chính vì có sự chưa thống nhất, chưa rõ ràng, nên có dự thảo nghị định đưa “*thành phần bao bì*” là điều kiện kinh doanh!!! Tất cả những vấn đề DN nêu lên có thể thấy đây hoàn toàn là những vấn đề về kỹ thuật và nếu như không giải quyết được trong quá trình thẩm định, thẩm tra thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu lực pháp lý của các văn bản hướng dẫn về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chưa kể đến những văn bản quy định điều kiện hành nghề (nghề y) lại nằm trong điều kiện thành lập (bệnh viện) thì sẽ được xử lý như thế nào? Bởi khi quy định những vấn đề nêu trên ở tầm nghị định, thì việc sửa đổi, bổ sung những vấn đề mới sẽ phức tạp hơn rất nhiều so với thông tư.

Cần những giải pháp đột phá kịp thời

Tiếp tục rà soát loại bỏ điều kiện kinh doanh được cải thiện theo hướng kịp thời, cụ thể và có tính đột phá hơn thay vì “dàn hàng ngang”. Mỗi cơ quan quản lý cần nhận thấy áp lực cải cách và tự giác thực hiện tốt trách nhiệm của mình, tạo điều kiện thông thoáng cho DN gia nhập thị trường, hiện nay, nhiều ngành, nghề kinh doanh có điều kiện cần được bãi bỏ, điều chỉnh cho phù hợp vì nhiều nhóm ngành, nghề đưa vào nhóm kinh doanh có điều kiện là cần thiết nhưng nhà nước lại đang can thiệp quá sâu vào quyền tự quyết của DN.

Việc chính thức ban hành danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài là cần thiết nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng với DN đầu tư trực tiếp nước ngoài mới chỉ được công bố không chính thức trên Cổng Thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, Luật

Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định. Điều này dẫn tới khó khăn trong quá trình thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư của nhà đầu tư cũng như hoạt động của DN tại Việt Nam.

Cần tiếp tục sửa đổi các quy định pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan nhằm cắt giảm và hợp lý hóa TTHC thuế. Cụ thể tiếp tục cắt giảm tối đa các hồ sơ phải nộp theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; Sửa đổi quy định về phân bổ thuế cho địa phương.

Tăng cường cải cách thủ tục hành chính nội bộ, đề cao vai trò người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đôn đốc trong thực hiện cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực được phụ trách; Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với chiến lược phát triển, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện của từng cơ quan, tổ chức.

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC TRONG NGÀNH HẢI QUAN VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI HIỆU QUẢ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Nguyễn Văn Tốt

Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lạng Sơn



*Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)*

Công tác cải cách thủ tục hành chính (CCTTHC) trong lĩnh vực Hải quan thời gian qua đã ghi nhiều dấu ấn với các kết quả nổi bật, thể hiện bằng việc Tổng cục Hải quan tiếp tục giữ vị trí “quán quân” về Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) trong khối Tổng cục và tương đương thuộc Bộ Tài chính đã được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao.

Từ những kết quả khảo sát ý kiến cộng đồng doanh nghiệp năm 2019,

đến nay năm 2023 Tổng cục Hải quan đã nhận diện được nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nỗ lực cải cách, thực tế các nội dung như: Đơn giản hóa và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính; đầu tư các máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại; chống phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực; tăng cường đẩy mạnh hơn nữa sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan hải quan và các cơ quan khác liên quan, những việc vừa liệt kê đã được triển khai đồng bộ trong nhiều năm qua,

và kết quả đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận chuyển biến rõ rệt, cụ thể.

1. Những nỗ lực thường xuyên đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận.

Thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và kế hoạch hành động của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính (TTHC). Trong năm 2020 và 2021, đã nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa 5% số quy định và 5% chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ. Đề xuất bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân của 02 TTHC tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ Tài chính theo Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư. Trình ban hành Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ trong đó đã cắt giảm, đơn giản hóa 19/29 điều kiện kinh doanh, cắt giảm 22/52 thành phần hồ sơ của các thủ tục công nhận kho, bãi, cảng, cửa hàng miễn thuế. Thường xuyên thực hiện tốt hoạt động đánh giá tác động của TTHC trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật góp phần quan trọng bảo đảm sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý của quy định về TTHC; công khai TTHC thường xuyên, kịp thời để bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin về TTHC của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; tăng cường công tác kiểm soát

TTHC trong toàn Ngành.

Đặc biệt, Cơ quan Hải quan cho biết, đã xây dựng và vận hành hiệu quả một số hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) quan trọng để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan tự động. Đến tháng 9 năm 2023, các thủ tục hải quan cốt lõi được thực hiện hoàn toàn bằng phương thức tự động thông qua Hệ thống thông quan tự động (VNACCS/VCIS) với 100% đơn vị Hải quan trên phạm vi toàn quốc thực hiện, hơn 99% doanh nghiệp tham gia, xử lý hơn 99,8% tờ khai hải quan và thời gian thông quan đối với hàng luồng xanh chỉ từ 1 đến 3 giây. Tổng cục Hải quan đã ký kết với 44 ngân hàng để phối hợp thu thuế điện tử, số thu đạt khoảng 99,8% số thu ngân sách toàn Ngành. Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 91% tổng số dịch vụ công. Đã tích hợp 98 TTHC lên lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến nay đã có 259 TTHC của 13 Bộ, ngành kết nối, thực hiện trên Cơ chế một cửa quốc gia với hơn 50.000 doanh nghiệp tham gia. Đã kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước thành viên ASEAN. Tổng cục Hải quan triển khai Hệ thống quản lý hải quan tự động (VASSCM) thông qua việc kết nối, trao đổi thông tin với 495 doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho, bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tự do hóa thương mại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, lưu lượng hàng hóa lưu thông giữa các quốc gia ngày càng gia tăng; Việt Nam đã tham gia 16 hiệp định thương mại tự do thế

hệ mới với các yêu cầu hội nhập toàn diện; cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, từ đầu năm 2021, Tổng cục Hải quan tập trung xây dựng Hải quan số tiến tới mô hình Hải quan thông minh. Mô hình Hải quan thông minh sẽ có mức độ tự động hóa cao, ứng dụng các thành tựu khoa học mới và hiện đại trên nền tảng số, phi giấy tờ, đảm bảo minh bạch, công bằng, hiệu lực, hiệu quả, có khả năng dự báo, thích ứng với sự biến động của thương mại quốc tế và yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan, yêu cầu chia sẻ, kết nối với các bộ, ngành, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang xây dựng hệ thống CNTT mới thông qua hình thức thuê dịch vụ CNTT nhằm khắc phục nhược điểm của các hệ thống CNTT hiện hành. Toàn bộ giao dịch được hệ thống mới xử lý theo cách thức thống nhất, đảm bảo áp dụng nhất quán các quy định pháp luật trong nước và đối xử ngang bằng với tất cả các đối tác thương mại. Dự kiến trong 5 năm tới, 92.000 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, kinh doanh kho, bãi, cảng khi sử dụng hệ thống CNTT mới của Hải quan sẽ tiết kiệm khoảng 920 tỷ đồng, được khai báo thủ tục hải quan mọi lúc, mọi nơi, trên mọi công cụ.

Cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành

Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2019, Tổng cục Hải quan tham mưu Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021

phê duyệt đề án “*Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu*”. Trên cơ sở đó, Tổng cục Hải quan xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, cơ quan Hải quan là đơn vị vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành (KTCN); các tổ chức được Bộ, ngành chỉ định thực hiện thủ tục KTCN; cơ quan Hải quan chỉ thực hiện phương thức kiểm tra giám đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Với vai trò cơ quan thường trực Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại, Tổng cục Hải quan thực hiện nhiệm vụ điều phối các hoạt động cải cách KTCN của các Bộ, ngành theo kế hoạch của Ủy ban. Thường xuyên chủ động rà soát các quy định pháp luật về KTCN để kiến nghị các Bộ, ngành xem xét xử lý, tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp. Triển khai rà soát chuyển đổi mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc diện KTCN.

2. Ngành Hải quan kịp thời tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh trong tình hình mới

Đối thoại thường xuyên, định kỳ với doanh nghiệp

Nhằm kịp thời nắm bắt và tháo

gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại để doanh nghiệp phản ánh vướng mắc về cơ chế, chính sách quản lý xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan. Đây là hoạt động thường xuyên của ngành Hải quan trong những năm qua, được xác định là một trong những hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin pháp luật trọng tâm của Ngành.

Hoạt động đối thoại với doanh nghiệp của ngành Hải quan đã và đang đạt được nhiều kết quả, được cán bộ, công chức trong Ngành cũng như cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Ngoài việc giúp cộng đồng doanh nghiệp nâng cao nhận thức và khả năng thực thi pháp luật hải quan, pháp luật thuế, thông qua Hội nghị đối thoại, cơ quan Hải quan đã trực tiếp, kịp thời tháo gỡ, giải đáp những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động của mình. Từ đó, đưa mối quan hệ hải quan và doanh nghiệp thực sự là đối tác hợp tác trong việc thực hiện và chấp hành pháp luật.

Đầu năm đến nay, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) tổ chức 02 buổi hội nghị đối thoại với doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thông qua các buổi hội nghị đối thoại, cơ quan Hải quan đã kịp thời giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến các văn bản chính sách mới được ban hành để doanh nghiệp kịp thời nắm bắt được những quy định mới. Đồng thời, giải đáp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của

doanh nghiệp ngay tại hội nghị, cụ thể là các vướng mắc liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành và xuất khẩu nông sản Việt Nam ra nước ngoài.

Trong những năm gần đây, hội nghị đối thoại với doanh nghiệp thường được tổ chức bằng cả hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến và được công bố, phát trực tuyến trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác này, giải quyết, tháo gỡ được khó khăn và được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Theo thống kê Tổng cục Hải quan, từ ngày 01/01/2023 đến 30/9/2023, ngành Hải quan đã tổ chức 68 buổi hội nghị đối thoại với doanh nghiệp. Thông qua hội nghị đã giải đáp trực tiếp các ý kiến vướng mắc, kiến nghị, đồng thời công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách

Ngoài tổ chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, ngành Hải quan cũng áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền khác để tháo gỡ khó khăn và phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp được hiệu quả. Điển hình, các đơn vị trong toàn Ngành đã tổ chức việc tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu về hỗ trợ, cung cấp thông tin pháp luật hải quan của người khai hải quan, người nộp thuế tại trụ sở cơ quan hải quan.

Tại cơ quan Tổng cục Hải quan, tiếp tục duy trì Phòng Giao dịch và tiếp công dân. Tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố; các Chi cục Hải quan và đơn vị tương đương duy trì Tổ giải quyết vướng mắc để thực hiện việc tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị, cán bộ

có liên quan giải quyết kịp thời các yêu cầu về cung cấp thông tin pháp luật hải quan của người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính được công khai, niêm yết tại nơi làm thủ tục hải quan theo quy định.

Bên cạnh đó, bộ phận tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu về hỗ trợ, cung cấp thông tin pháp luật hải quan của người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp tại trụ sở cơ quan hải quan đồng thời thực hiện việc tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp cho người khai hải quan, người nộp thuế qua điện thoại. Cán bộ trực tiếp tiếp nhận thực hiện thực hiện theo quy trình do Tổng cục Hải quan quy định; có sổ ghi chép đầy đủ thông tin cần thiết về cuộc gọi, chuyển máy đến các đơn vị, cán bộ có thẩm quyền để hướng dẫn.

Đặc biệt, ngành Hải quan luôn chú trọng hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp thông qua tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn. Ngay từ đầu năm, Tổng cục Hải quan cũng như các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đều xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn cho người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp trong năm và triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Các đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan chủ trì tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ theo từng chuyên đề như: thuế xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan, xử lý vi phạm hành chính... cho các đơn vị hải quan địa phương và cộng đồng

doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu. Tại các hội nghị, hội thảo, bên cạnh nội dung tuyên truyền, tập huấn của báo cáo viên, ban tổ chức cũng tạo điều kiện tối đa để người khai hải quan, người nộp thuế, đại diện doanh nghiệp có mặt phát biểu, ghi phiếu về những vấn đề cần được cơ quan hải quan hướng dẫn, giải đáp.

Tính riêng từ đầu năm đến hết tháng 9/2023, toàn Ngành đã tổ chức 29 hội nghị, hội thảo tập huấn, tọa đàm cho người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp. Thông qua hội nghị, hội thảo, các đơn vị đã kịp thời tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp nhiều ý kiến phản ánh, vướng mắc.

Ngoài ra, nhiều hình thức tuyên truyền khác cũng được cơ quan hải quan áp dụng như: Hướng dẫn, giải đáp cho người khai hải quan, người nộp thuế bằng hình thức văn bản; cung cấp thông tin trên trang điện tử của cơ quan hải quan; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát hành các tờ rơi, ấn phẩm tuyên truyền; niêm yết công khai các văn bản pháp luật tại trụ sở cơ quan hải quan; thông qua hệ thống trao đổi thông tin Hải quan – Doanh nghiệp; hướng dẫn, giải đáp tại trụ sở người khai hải quan, người nộp thuế...

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như giải đáp các kiến nghị, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp đã thể hiện phương châm đồng hành cùng doanh nghiệp của ngành Hải quan. Hoạt động này đã giúp người khai hải quan, người nộp thuế, cộng đồng doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan nâng cao tính tuân thủ và thực hiện đúng chính



Ảnh minh họa: Xây dựng mô hình hải quan thông minh, nâng cao năng lực quản lý hải quan
(Nguồn: Báo Chính phủ)

sách pháp luật.

3. Những kiến nghị của doanh nghiệp đối với ngành Hải quan

Để góp phần xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện hài hòa nhiệm vụ vừa tạo thuận lợi thương mại, vừa làm tốt công tác quản lý nhà nước về hải quan, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia., các doanh nghiệp kiến nghị một số vấn đề cả trên bình diện chung và cụ thể như sau.

Ngành Hải quan cần tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật, liêm chính trong thực thi công vụ; đổi mới phương pháp quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm, tập trung cải cách thể chế và quy trình thủ tục, đảm

bảo hành lang pháp lý đồng bộ cho việc triển khai các hiệp định tự do thế hệ mới (như CPTTP, EVFTA...), xây dựng mô hình hải quan số, hải quan thông minh; triển khai nhiệm vụ đầu mối chủ trì thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành.

Song song với đó là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong ngành theo hướng: TCHQ xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống CNTT ngành hải quan hướng tới hải quan số trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ 4.0, tập trung ở mức cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hải quan tự động, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Triển khai và hoàn thiện hệ thống nộp thuế 24/7, hệ thống giám sát hàng hóa tự động tại kho, bãi, cảng nhằm phục vụ tốt hơn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, cần tăng

cường thêm lực lượng cán bộ Hải quan tại các cửa khẩu quốc tế quan trọng có đông doanh nghiệp tham gia XNK hàng hóa.

Một số các kiến nghị cụ thể.

Hiện nay, theo Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ, trong đó bỏ quy định không xử phạt đối với trường hợp “*khai đúng tên hàng nhưng khai sai mã số, thuế suất, mức thuế lần đầu*”; một số trường hợp không xử phạt được quy định trước đây tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) thì nay được chuyển về quy định tại một số Điều cụ thể của Nghị định 128/2020/NĐ-CP, điều này gây rất nhiều khó khăn cho cả phía hải quan và doanh nghiệp. Để xuất cơ quan hải quan có ý kiến bằng văn bản báo cáo Tổng cục Hải quan, Bộ Tài Chính có kiến nghị Chính Phủ sửa đổi những điều không phù hợp thực tiễn triển khai và trong quá trình triển khai để giúp cho doanh nghiệp tránh tối đa khi truyền thật sai mã số hàng hóa lại bị xử phạt.

Đề nghị cơ quan Hải quan khi giải quyết thủ tục Hải quan điện tử linh hoạt hơn vì khi khai báo bằng hình thức tờ khai Giấy (Thủ công) nếu sai sót không bị xử phạt, còn hải quan quan điện tử thì bị xử phạt.

Nhiều trường hợp ký hợp đồng qua mạng, doanh nghiệp ở tỉnh phía Nam hoặc ở xa nên hồ sơ chuyển ra trực trực, theo quy định Trung Quốc thì

C/O phải đánh số xe mà có thể theo quy định địa phương phải chuyển xe chuyên chở nên phải sửa C/O. Khi làm thủ tục hải quan hàng hóa phải đợi C/O và làm thủ, đề nghị cho phép doanh nghiệp sử dụng bản C/O Scan gốc chấp nhận như có C/O và doanh nghiệp sẽ gửi bản gốc sau.

Các Tỉnh, Thành phố Trực thuộc Trung ương cần quan tâm việc đầu tư bến bãi tập trung sau đó điều tiết đến các khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị cơ quan HQ thực hiện các phương pháp sắp xếp, phân loại các hồ sơ luồng xanh, hàng hóa của các DN siêu xanh, thủ tục đơn giản theo tiêu chí QLRR phân luồng đi riêng đẩy nhanh thời gian thực hiện TTHQ.

Vai trò của cơ quan xúc tiến thương mại và chăm sóc khách hàng tại cửa khẩu hiện nay chưa hiệu quả, chưa có người đầu mối liên hệ với các DN mời tham gia đóng góp các ý kiến liên quan như 1 số tỉnh khác đang thực hiện. Đề xuất tỉnh nên có 1 người đầu mối thực hiện công tác này (VD: mô hình tại tỉnh Quảng Ninh).

Những kết quả ghi nhận về mức độ hài lòng của doanh nghiệp về thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa là thước đo cho thấy sự nỗ lực không ngừng của ngành Hải quan, các bộ, ngành, cơ quan của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp. Đây sẽ là cơ sở để ngành Hải quan tiếp tục cố gắng hơn nữa và ngày càng nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

TIẾP TỤC THÁO GỖ KHÓ KHĂN LÀM CẢN TRỞ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Nguyễn Thị Hương

*Chi hội trưởng Chi hội doanh nghiệp bán lẻ
Xăng dầu (VINASME)*

Một trong nhóm các nhiệm vụ, giải pháp trung hạn và dài hạn để thực hiện thành công Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ: Về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025, đó là, *tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm giúp doanh nghiệp gia nhập thị trường một cách nhanh nhất*. Nỗ lực này được thể hiện bằng nhiều chính sách và hành động cụ thể của các Bộ ngành và địa phương. Các chính sách và hành động đều xác định và nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm của cải thiện môi trường kinh doanh là bãi bỏ các rào cản, quy định điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, mở rộng khả năng tham gia thị trường, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Trên cơ sở quan sát của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, sự đánh giá của giới chuyên gia, nhà khoa học, và sự phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp, các phương tiện truyền thông. Nhận thấy nỗ lực cải cách thể hiện trên một số phương diện sau.

Cắt giảm danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và dỡ bỏ sự chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác biệt của các quy định pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Đây là 2 ưu tiên mới trong nhiệm vụ Chính phủ giao các bộ, ngành trong thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh so với các năm trước, bước sang năm 2023 Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Hướng xử lý được xác định ngay từ đầu là thu hẹp phạm vi một số ngành nghề; đưa ngành nghề ra khỏi danh mục nếu có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Cùng với đó là kiểm soát việc đề nghị bổ sung ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh mới.

Hơn thế, việc thực hiện đưa các ngành nghề ra khỏi danh mục nếu yêu cầu quản lý thiếu cơ sở khoa học, thiếu cơ sở thực tiễn, không có mục tiêu quản lý hoặc không có mục tiêu quản lý rõ ràng sẽ phải hoàn thành trong năm 2023, làm cơ sở cho các đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm



*Thứ trưởng Trần Duy Đông phát biểu khai mạc Hội thảo về tháo bỏ rào cản kinh doanh
Ảnh: MPI*

pháp luật liên quan. Việc này đòi hỏi các bộ, ngành phải thực sự vào cuộc, với tư duy đổi mới quyết liệt.

Giải quyết dứt điểm sự khác biệt

Ngay thời điểm năm nay tại kỳ họp thứ 5 và thứ 6 của Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua nhiều dự án luật quan trọng, VD Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, Luật Đấu thầu và một số điều của Luật Điện lực, Luật giao dịch điện tử, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở... Mục tiêu là kịp thời tháo gỡ thủ tục, trình tự đang gây khó cho việc triển khai các dự án đầu tư hiện hữu, các vấn đề cấp bách cần giải quyết ngay để thúc đẩy tiến độ dự án đầu tư công, như phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án ODA, dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị; hình thức sử dụng đất khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại... Để triển khai thực hiện

Nghị quyết số 101/2023/QH15 Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Tổ Công tác) do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Tổ trưởng. Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã được tổ chức triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước, với sự tham gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương cấp tỉnh, các tổ chức, hiệp hội có liên quan, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Chính phủ với các cơ quan của Quốc hội.

Kết quả, tổng số văn bản quy phạm pháp luật đã được các cơ quan thực hiện rà soát là 523 văn bản gồm 66 luật, 02 pháp lệnh, 08 nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 167 nghị định, 63 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 217 văn bản

do các cơ quan khác ở trung ương ban hành. Trong đó, có 22 lĩnh vực trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị¹.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ngay sau khi đổi tên và kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (Ủy ban), Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban, các cấp các ngành đã quyết liệt “*Đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp*”; Chính phủ Việt Nam xác định mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu để hiện thực hóa khát vọng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, người dân được phồn vinh, ấm no và hạnh phúc. Chuyển đổi số quốc gia tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia số, phát triển thịnh vượng, tiên phong ứng dụng các công nghệ mới và mô hình mới; đổi

1 Báo cáo của Tổ Công tác về rà soát VBQPPL

mới căn bản, toàn diện phương thức quản lý, điều hành của Chính phủ; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; lối sống, làm việc và học tập của người dân; phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, bao trùm, rộng khắp...

Thời gian qua công tác chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt dữ liệu số năm 2023, đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng trân trọng như trong kết nối chia sẻ dữ liệu; khai thác dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển hạ tầng dữ liệu số; số hóa dữ liệu. Hệ thống thông tin của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối dữ liệu với 80 bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và đã chia sẻ dữ liệu thử nghiệm hàng ngày, hàng tháng từ các bộ, ngành cho 15 địa phương để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Tính tiên phong của các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu Việt Nam như VNPT, FPT, Viettel... trong triển khai các CSDLQG, chuyên ngành, xây dựng nền tảng số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, tài chính, thanh toán và dịch vụ gia tăng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam thời gian qua.

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn làm cản trở gia nhập thị trường đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Kiên quyết đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là nội dung được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh trong các cuộc họp và chỉ đạo điều hành. Theo báo cáo mới được công bố bởi Economist Intelligence Unit, Việt Nam đã tăng 12 bậc trong bảng xếp hạng môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, dư địa để cải cách vẫn còn rất nhiều. Cũng theo



Hội nghị Giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu
(Nguồn: congthuong.vn)

báo cáo của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương² cho biết, cải cách về môi trường kinh doanh, đặc biệt là các điều kiện kinh doanh đang có xu hướng chậm lại. Điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính đi kèm vẫn là trở ngại lớn với doanh nghiệp. Không chỉ doanh nghiệp, mà trong tháng 6 vừa qua, 12 Bộ, ngành và 38 địa phương đã gửi phản hồi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chia sẻ về những bất cập, khó khăn trong việc thực hiện các quy định đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp. Có nhiều lý do được đưa ra như tình hình cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế của các nước lớn, do bảo vệ sản xuất trong nước, trong đó có lý do thời gian qua các Bộ, ngành, địa phương chú trọng nhiều hơn tới phòng chống dịch và thực hiện gói hỗ trợ doanh nghiệp, nên nỗ lực cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh bị chững lại.

² Báo cáo tại Hội thảo: Tháo bỏ rào cản điều kiện kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 7 năm 2023

Một số điều kiện kinh doanh bất cập cản trở ra nhập thị trường vẫn còn tồn tại.

Có thể thấy, những vướng mắc về điều kiện kinh doanh đang gây khó cho cả cơ quan thực thi và doanh nghiệp. Hội Lương thực Thực phẩm TP Hồ Chí Minh cho biết, có những điều kiện kinh doanh ngay từ khi ban hành đã không phù hợp với thực tế. Tuy nhiên việc sửa đổi lại bị kéo dài, khiến các doanh nghiệp bỗng trở thành kinh doanh không theo quy định. Ví dụ “Các sản phẩm thực phẩm nào có dùng muối thì phải bổ sung iốt”. Mặc dù tổ chức Hiệp hội đã phản ánh trong điều kiện cách đây 5 năm. Thủ tướng Chính Phủ thấy việc Hiệp hội kiến nghị đúng nên đã ban hành Thông báo yêu cầu Bộ Y tế phải sửa chữa. Tuy nhiên, tới giờ này, quy định vẫn chưa được tháo gỡ.

Một số quy định phù hợp khi ban hành, nhưng quá trình thực thi lại làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính,

gây khó cho doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp xuất khẩu. Có những việc đã rất rõ ràng, nhưng cán bộ hoặc đơn vị thực thi vẫn đòi hỏi thêm những giấy tờ ngoài quy định. Điển hình mới đây, 7 hiệp hội doanh nghiệp trong nước đã gửi kiến nghị lên Thủ tướng và các bộ, ngành báo cáo về những khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định về phòng cháy chữa cháy³.

Nhiều doanh nghiệp cho rằng đã hoàn thành nhà máy, tuyển xong nhân viên, sẵn sàng để sản xuất được ngay. Thế nhưng hiện nay do vướng giấy phép về phòng cháy chữa cháy, dẫn đến sản xuất bị ngừng trệ lại, gây tổn thất cho doanh nghiệp. Các Hiệp hội kiến nghị kiến nghị tháo gỡ một số nội dung như bãi bỏ, sửa đổi phù hợp các vướng mắc về quy định nguồn cung sơn chống cháy hay bể nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động (sprinkler)... Đề nghị nhanh chóng công bố và cấp phép cho nhiều sản phẩm đủ tiêu chuẩn PCCC để DN có nhiều thông tin nhằm lựa chọn sản phẩm phù hợp. Đồng thời, các DN cũng đề nghị ưu tiên các sản phẩm trong nước tự sản xuất theo tiêu chí “*người Việt Nam dùng hàng Việt Nam*”.

Tháo bỏ rào cản về điều kiện kinh doanh mong muốn của doanh nghiệp

Làm thế nào để các quy định từ khâu xây dựng ban hành tới thực thi đều đạt hiệu quả về quản lý mà vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh? Rõ ràng, cộng đồng doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động trực tiếp của các văn bản pháp luật là đối tượng hiểu rõ hơn ai hết. Họ chính là người có vai trò và tiếng nói quan trọng trong quá trình góp ý và giám sát xây dựng chính sách.

Vấn đề này, cần có sự tham gia vào cuộc của rất nhiều bên, trong đó cần có sự chỉ đạo thường xuyên, liên tục và tạo áp lực từ Chính phủ, cụ thể là Thủ tướng Chính phủ trong việc tạo áp lực cũng như có những chỉ đạo mạnh mẽ trong việc cải cách này. Người đứng đầu các bộ, ngành sẽ có vai trò quyết định trong việc tạo ra áp lực cũng như động lực để anh em soạn thảo văn bản theo hướng hỗ trợ, khuyến khích tuân thủ pháp luật.

Cộng đồng doanh nghiệp đề nghị thời gian tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần nghiên cứu sẽ nghiên cứu báo cáo Chính phủ ban hành một Nghị quyết riêng về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó quy định rất rõ các chỉ tiêu cần phấn đấu dựa theo đánh giá của các tổ chức quốc tế.

3 Bảy Hiệp hội gồm Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, Hiệp hội Da giày- Túi xách Việt Nam, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Hiệp hội Thực phẩm minh bạch, Hội Lương thực thực phẩm, Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP.HCM

VƯƠNG MẮC THỦ TỤC HOÀN THUẾ NHÌN TỪ NHỮNG VỤ VIỆC CỤ THỂ

Lương Thị Thùy Linh

Công ty TNHH Tư Vấn thuế Sài Nam

Trong đời sống kinh tế - xã hội nếu Thuế là một nghĩa vụ “bất khả tránh” thì song song với đó việc hoàn thuế có thể xem như là một hiện tượng có tính tất yếu khách quan, khó tránh được trong quá trình quản lý thuế nhằm đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước cũng như của người được hoàn thuế. Về cơ bản hoàn thuế chính là việc Nhà nước ra quyết định trả lại số tiền thuế đã thu nhưng không có căn cứ pháp luật cho người chịu thuế. Vì thế, về lý thuyết việc hoàn thuế phải được thực hiện theo nguyên lý, cơ chế đòi lại tài sản từ người khác đang chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình.

Chính vì vậy việc hoàn thuế đang gây ra rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp đặc biệt là ngành gỗ, khi họ phải đối mặt với việc thiếu vốn, gánh nặng chi phí lãi cao trong khi đó số tiền thuế VAT doanh nghiệp đóng trước hơn cả năm trời chưa được hoàn lại.

Thực trạng thực tế mà doanh nghiệp Việt Nam đang gặp phải hiện nay có thể được mô tả như sau:

Thủ tục phức tạp: Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xử lý hoàn thuế do quy trình phức tạp và yêu cầu tài liệu chi tiết.

Thời gian chậm trễ: Quá trình hoàn thuế thường mất nhiều thời gian do quy trình kiểm tra và xử lý phức tạp.

Kiểm tra nghiêm ngặt: Các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với sự kiểm tra nghiêm ngặt từ cơ quan thuế để đảm bảo tính chính xác của việc hoàn thuế.

Công nghệ thông tin: Một số doanh nghiệp đã bắt đầu áp dụng công nghệ thông tin để tối ưu hoá quy trình hoàn thuế, tuy nhiên, việc này vẫn còn hạn chế do sự đa dạng trong việc sử dụng phần mềm và hệ thống.

Công văn thực sự làm khó doanh nghiệp

Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) vừa có văn bản gửi đích thân Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đề nghị Quốc hội xem xét và tháo gỡ vướng mắc trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Theo VIFOREST, nhiều DN hội viên của VIFOREST đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc hoàn thuế GTGT mà nguyên nhân chủ yếu từ 2 công văn của Tổng cục Thuế

Cụ thể, theo Công văn 2124/TCT-TTKT ngày 22/5/2020 về việc giải quyết hoàn thuế gửi cục thuế các tỉnh và thành phố. Tổng cục Thuế hướng dẫn: “*Khi thực hiện thanh tra, cục Thuế phải chủ động phối hợp với Cơ quan Công an và các cơ quan chức năng khác*



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

trên địa bàn: Hải quan, Biên phòng, Kiểm lâm... trong việc xác định rõ nguồn gốc gỗ.....” ;“Đối với hàng hóa có nguồn gốc thu mua trực tiếp từ người dân theo bảng kê hàng hóa, phải thực hiện xác minh trực tiếp đến từng người dân theo yếu tố rủi ro. Khi thực hiện kiểm tra về phương tiện vận chuyển, thì phải đối chiếu giữa lịch trình di chuyển của từng xe, theo từng lái xe...”.

Công văn 633/TCT-TTK ngày 7/3/2022, về thanh tra, kiểm tra DN có rủi ro về hoàn thuế GTGT, Tổng cục Thuế tiếp tục hướng dẫn: “Đối với đầu vào của DN hoàn thuế: Việc triển khai công tác thanh tra/kiểm tra các DN F0 cần tập trung đối chiếu, xác minh, làm rõ những dấu hiệu sai phạm (nếu có) về hoàn thuế GTGT của các DN qua các khâu từ F1, F2, F3...đến khâu cuối theo hướng dẫn tại các văn bản của Tổng cục Thuế...”; “Đối với đầu ra: Tập trung rà soát, xác minh các nội dung rủi ro liên quan tới hoạt động xuất khẩu (Hồ sơ

hải quan, thanh toán qua ngân hàng, xác minh thông tin về các đối tác nhập khẩu ở nước ngoài...) qua kiểm tra, rà soát phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế...”.

Theo ông Đỗ Xuân Lập, Chủ tịch VIFOREST, một số điểm bất cập tại các công văn này đang gây khó khăn cho DN cũng như cho cục thuế các tỉnh/thành phố khi triển khai thực hiện...

Chậm do có quá nhiều những văn bản chồng chéo nhau

Vấn đề chậm hoàn thuế cũng đã được nêu ra tại phiên thảo luận sáng 2/11, kỳ họp thứ 6, QH khóa XV. Cụ thể, bà Nguyễn Thị Thu Hà, Phó Trưởng đoàn chuyên trách tỉnh Quảng Ninh cho biết, ách tắc, tồn đọng hoàn thuế VAT khiến các doanh nghiệp và một số hiệp hội ngành hàng gửi đơn kiến nghị, kêu cứu đến cấp có thẩm quyền.

Chẳng hạn, với nhóm mặt hàng ngành gỗ, Tổng cục Thuế hướng dẫn các cục thuế thực hiện rà soát xác minh

qua các khâu mua hàng, thu mua là quá mức cần thiết, bởi theo Luật Thuế giá trị gia tăng, thuế này chỉ phát sinh và nộp từ khâu chế biến có hóa đơn VAT.

“Việc yêu cầu xác minh ở nhiều khâu là không cần thiết, không có cơ sở, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh”, bà Hà nói và đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc, thực hiện hoàn trước, kiểm tra sau với các đơn vị xuất khẩu uy tín.

Còn theo kết quả giám sát về hoàn thuế VAT của Ủy ban Tài chính - Ngân sách, việc giải quyết hoàn thuế trong năm 2022 và nhất là sáu tháng đầu năm 2023 chậm hơn so các năm trước, số hồ sơ hoàn thuế đã giải quyết chỉ đạt 79%. Cụ thể, trong khi tỷ lệ số hồ sơ kiểm trước tăng 25% so với các năm thì số hồ sơ tồn - đang giải quyết và chưa được hoàn là 1.839 hồ sơ, chiếm 17%. Đến ngày 31/8, số hồ sơ tồn còn lại 647 hồ sơ.

Các ngành bị chậm hoàn thuế gồm: ngành gỗ và các sản phẩm gỗ tỷ lệ hồ sơ được giải quyết hoàn là 85%; ngành tinh bột sắn là 45%; ngành cao-su là 62%; ngành linh kiện điện và điện tử là 59% (thấp hơn so mức thông thường là hơn 90%). Đáng chú ý, số tiền truy thu sau khi thanh tra, kiểm tra chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Đoàn giám sát của Quốc hội đánh giá tỷ lệ số hồ sơ tồn trong bốn lĩnh vực này đã tăng đáng kể so số liệu của mặt bằng chung, đặc biệt là trong nửa đầu năm 2023. Trong khi đó, số hồ sơ chuyển sang kiểm tra trước tăng lên đáng kể, nhưng số tiền phát hiện lại “đặc biệt thấp”.

“Điều này phần nào cho thấy mức độ rủi ro gian lận có thể không cao,

hoặc công tác thanh tra, kiểm tra sau hoàn còn chưa hiệu quả”, Đoàn giám sát nêu rõ. Chưa kể một số hồ sơ sau khi chuyển cho cơ quan công an, đã được cơ quan công an trả lời là chưa có dấu hiệu tội phạm nhưng hiện cơ quan thuế vẫn đang dừng hoàn, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

Với các kết quả trên, Đoàn giám sát đánh giá các vướng mắc phát sinh từ những văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của ngành thuế, yêu cầu đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát.

“Tính thủ công về nghiệp vụ, sự phức tạp, chồng chéo và quá nhiều các văn bản cảnh báo, cùng với sự thiếu rõ ràng về phạm vi, chưa áp dụng thống nhất quản lý rủi ro gắn với ứng dụng công nghệ thông tin đã khiến việc thực hiện gây ách tắc lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu”, Đoàn giám sát đánh giá.

Giải pháp từ phía nhà nước để có sự công bằng hơn cho doanh nghiệp

Ngành thuế cần phải làm đúng luật là hoàn thuế trong thời gian quy định với những DN thỏa các điều kiện trên. Không thể vì một số công ty gian lận thuế mà giam tiền hoàn thuế gây thiệt



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

hại lớn cho cả cộng đồng DN.

Có thời gian cố định cho việc kiểm tra, xác minh cho việc hoàn thuế. Gấp rút rà soát các mặt hàng có rủi ro về hoàn thuế VAT. Từ đó loại ra các mặt hàng, sản phẩm hoặc các trường hợp đã có quy định kiểm tra tận gốc

Hoàn thuế là trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước, doanh nghiệp không xin. Do đó, cơ quan nhà nước phải hướng dẫn thủ tục. Ai sai, ai vi phạm pháp luật thì xử lý; cán bộ thuế sai thì phải xử lý cán bộ thuế. Không thể để trì trệ, loay hoay mãi.

Về phía doanh nghiệp cần trang bị kiến thức

Tăng cường kiến thức chuyên môn: Đào tạo nhân viên về quy định thuế và quy trình hoàn thuế để đảm bảo họ thông thạo và đáp ứng được yêu cầu pháp lý.

Sử dụng công nghệ thông tin: Đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý tài chính và thuế để tối ưu hóa quy trình hoàn thuế, giảm thiểu sai sót và tăng cường tính chính xác.

Tăng cường sự minh bạch: Xây dựng

và duy trì hồ sơ tài liệu và báo cáo thuế đầy đủ và chính xác để đối phó với sự kiểm tra và giám sát nghiêm ngặt từ cơ quan thuế.

Tương tác tích cực với cơ quan thuế: Liên tục tương tác và hợp tác chặt chẽ với cơ quan thuế để đảm bảo sự tuân thủ và giảm thiểu rủi ro kiểm tra.

Sử dụng dịch vụ chuyên nghiệp: Nếu cần thiết, sử dụng dịch vụ của công ty tư vấn thuế chuyên nghiệp để hỗ trợ trong việc xử lý hoàn thuế và tuân thủ quy định thuế.

Tóm lại việc hoàn thuế vẫn đang là một vướng mắc có rất nhiều nút thắt. Nhà nước cần phải làm nhanh. Vì cơ chế hoàn thuế của nhà nước hiện tại quá phức tạp và thủ tục khó khăn, dẫn đến hệ lụy doanh nghiệp đang mất đi một nguồn lực đáng ra phải được hưởng để hỗ trợ qua giai đoạn phục hồi kinh tế trong bối cảnh tình hình mới. Vì vậy, thời gian tới cần phải cải cách toàn bộ thủ tục hoàn thuế theo hướng bình đẳng hơn giữa cơ quan thuế với người nộp thuế.

NHỮNG VƯỚNG MẮC CỦA DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC LẬP ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU THẦU, ĐẤU GIÁ

Ông Nguyễn Văn Lâm
Sở Tư pháp Ninh Bình

Đầu tư là hoạt động bỏ vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận, đồng thời thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển. Tuy nhiên, thực tiễn pháp luật cho thấy, một số quy định chưa rõ ràng, chưa chi tiết, làm cho triển khai đầu tư còn chậm, thậm chí không thể triển khai. Việc nghiên cứu, sửa đổi bổ sung làm cho hoạt động đầu tư thuận lợi là cần thiết.

Tag: đầu tư, chủ trương, đấu thầu, đấu giá, dự án

1. Thực trạng quy định của pháp luật về lập đề xuất chủ trương đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư

Những quy định về lập, thẩm định và ra quyết định chủ trương đầu tư được quy định từ Điều 30 đến Điều 33 Luật đầu tư số: 61/2020/QH14. Nội dung đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch các cấp, nhu cầu sử dụng đất, hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm môi trường, tính khả thi sử dụng công nghệ sử dụng, các ưu đãi đối với dự án, phân kỳ đầu tư, quản lý trong và ngoài dự án.

Sau khi có đề xuất chủ trương đầu tư, cơ quan nhà nước thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư, với các nội dung nêu trên, đồng thời xem xét mục tiêu, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm,

thời hạn, tiến độ thực hiện, đề xuất nhu cầu sử dụng đất ... và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo một trong hình thức:

Đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, quy định chi tiết tại Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Chấp thuận chủ trương đầu tư là một phần của hồ sơ mời đấu giá, khi tham gia đấu giá, các nhà đầu tư đều có nghĩa vụ tuân thủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cần phải: Có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện; Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản này thuộc sở hữu Nhà nước; Có phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành và không đáp ứng điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất. Đó là các dự án có sử dụng đất để xây dựng khu đô thị; công trình dân dụng có một/nhiều công năng gồm: nhà ở thương mại; trụ sở, văn phòng làm việc; công trình thương mại, dịch vụ không sử dụng vốn đầu tư. Điều kiện các dự án thuộc diện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải: phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) hoặc quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000; Không đủ điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất; Không thuộc trường hợp chỉ định thầu, do chỉ có một nhà đầu tư có khả năng thực hiện.

Mục đích của việc lập chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu nhằm tạo ra cơ hội bình đẳng, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh cho tất cả các chủ thể kinh doanh. Nhờ đó,

cơ quan nhà nước tìm ra nhà đầu tư có năng lực thực hiện tốt nhất, thu lại lợi ích cho ngân sách cao nhất. Qua đây, bảo đảm dự án được triển khai hiệu quả, đạt được mục tiêu kinh tế, xã hội đề ra.

2. Những khó khăn vướng mắc trong triển khai dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư

Thứ nhất, Pháp luật chưa có quy định rõ ràng về các điều kiện, tiêu chí làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư là không rõ ràng, mập mờ. Chủ trương đầu tư chưa thật sự là công cụ “sàng lọc ban đầu” để tạo ra dự án có chất lượng, có hiệu quả kinh tế xã hội. Mặt khác, pháp luật không chặt chẽ không thể kiểm soát về nội dung, biến quá trình thẩm định thành thủ tục hành chính hình thức, làm cho tất cả dự án được đề xuất đều đủ điều kiện thực hiện đầu tư.



Lập đề xuất dự án phải phù hợp với quy hoạch và thực tế
(Nguồn: Internet)



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

Thứ hai, pháp luật chưa quy định thành lập hội đồng đánh giá độc lập với thẩm định đề xuất chủ trương dự án đầu tư. Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể bình đẳng trong đánh giá, phản biện chất lượng dịch vụ, hàng hóa một cách độc lập, đa chiều là cần thiết. Rõ ràng, pháp luật chưa giúp cho cơ quan quản lý xem xét toàn diện, tránh sai lầm, không để tình trạng gây hệ lụy lan tỏa và lâu dài.

Thứ ba, Pháp luật đất đai và pháp luật đấu thầu chưa có sự thống nhất trong lựa chọn nhà đầu tư. Theo khoản 3 Điều 1 Luật Đấu thầu năm 2013 quy định dự án sử dụng đất thuộc trường hợp đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư. Trong khi đó tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 chỉ quy định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất mà không quy định trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Thứ tư, xác định giá quyền sử dụng

đất khởi điểm để đấu giá còn chưa hợp lý, rất thấp so với giá thị trường, dẫn đến tình trạng đầu cơ, trục lợi, tiềm ẩn nguy cơ gây thất thoát tài sản nhà nước... Lợi dụng sơ hở các quy định trên, nhóm lợi ích can thiệp hạ thấp giá trị so với giá thị trường để thu tóm nhiều khu đất “vàng”. Thời gian qua, nhiều đối tượng đã bị cơ quan điều tra khởi tố hình sự vì vi phạm quy định về đấu thầu, đấu giá, làm thất thoát tài sản Nhà nước.

Thứ năm, Thiếu các quy định pháp luật về điều kiện nhà đầu tư tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai. Một số nhà đầu tư đã thuê đất nhưng không triển khai thực hiện dự án, bằng các thủ tục để tạo lý do kéo dài thời gian thực hiện dự án. Mục đích là đầu cơ tích trữ đất, chờ “thời cơ vàng” triển khai dự án, tìm điểm cực đại của thị trường để thu lợi nhuận lớn. Trường hợp này, thị trường bất

động sản bị thao túng, người tiêu dùng bị thiệt hại.

Thứ sáu, Điều kiện chứng minh nhà đầu tư “có năng lực tài chính” chưa phù hợp. Thực tế rất nhiều nhà đầu tư năng lực tài chính yếu kém vẫn tham gia đấu giá, song vẫn bỏ giá cao để trúng thầu. Sau đó, họ sẵn sàng mất cọc, với mục đích thổi giá thị trường bất động sản, thổi giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, thu lợi lớn.

3. Đề xuất hoàn thiện pháp luật về lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án thuộc trường hợp phải chấp thuận chủ trương để tổ chức đấu thầu, đấu giá

Như đã nêu trên, pháp luật về lập đề xuất chủ trương đầu tư còn nhiều thiếu sót, cần sửa đổi bổ sung hoàn thiện. Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hoạt động đầu tư như sau:

Một là, Ban hành quy định về tiêu chí chi tiết hơn. Theo đó, cần có nhóm chỉ tiêu về đóng góp ngân sách; tác động lan tỏa của dự án đối với xã hội thông qua sử dụng nhân công, vật liệu, liên kết với các doanh nghiệp khác; sử dụng công nghệ cao tạo chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt, thân thiện môi trường; Nhóm chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của nhà đầu tư... Với quy định chi tiết, các đề xuất chủ trương đầu tư buộc phải đánh giá kinh tế xã hội, hạ tầng, thị trường... kỹ lưỡng hơn. Đồng thời, pháp luật buộc người thẩm định phê duyệt phải xem xét đánh giá thận trọng. Được vậy, các nhà lập pháp tạo ra một bộ lọc xây dựng các dự án chất lượng.

Hai là, nhà lập pháp cần ban hành quy định thành lập hội đồng đánh giá độc lập với thẩm định đề xuất chủ trương dự án đầu tư. Các nhà khoa học, các chuyên gia có thực tiễn tham gia vào công tác đánh giá, phản biện đề xuất dự án một cách độc lập đa chiều, làm sáng tỏ vấn đề. Huy động trí tuệ toàn dân vào công cuộc phát triển đất nước, ngăn chặn sự tùy tiện, vô trách nhiệm của một số cán bộ phụ trách.

Thứ ba, Ban hành quy định đối với trường hợp đất hỗn hợp bao gồm đất đã thu hồi giải phóng mặt bằng với đất chưa thu hồi trong một loại hình lựa chọn nhà đầu tư đó là đấu thầu. Bởi lẽ, phần diện tích chưa thu hồi không thể đấu giá. Trong khi đó, cơ chế đấu thầu dự án vẫn bảo đảm tính cạnh tranh lành mạnh và bảo đảm nguồn thu ngân sách cao nhất có thể.

Thứ tư, Xây dựng cơ chế xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với giá thị trường. Giá khởi điểm đấu giá thấp mặc nhiên tạo cơ hội cho các nhà đầu tư bắt tay nhau “đìm giá”, chắc chắn gây thiệt hại cho ngân sách. Một trong những cơ sở để xác định giá đất là nguồn thông tin. Nguồn thông tin từ thuế, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức bán đấu giá, văn phòng công chứng và từ các giao dịch; tổng hợp lại đầu vào này để bảo đảm có tính chính xác nhất trong việc giao dịch giá đất hiện nay.

Thứ năm, bổ sung quy định pháp luật về điều kiện nhà đầu tư tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án phải không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai, có năng lực tài chính bằng tiền tại thời điểm đấu thầu và duy trì khi trúng thầu.

THÁO GỖ VƯỚNG MẮC CHO DOANH NGHIỆP VỀ THỦ TỤC LIÊN QUAN “GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI”

Ths. Đỗ Hà Anh

C*ần cứ pháp luật và bối cảnh thực hiện về thủ tục liên quan giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài*

Giấy phép lao động là chứng chỉ chính thức do cơ quan lao động cấp cho phép người lao động nước ngoài được vào làm việc hợp pháp tại Việt Nam. Để được làm việc tại Việt Nam một cách hợp pháp, người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài cần tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Việt Nam.

Với nhu cầu tuyển dụng người lao động nước ngoài tăng cao, ngày càng có nhiều lao động nước ngoài đăng ký vào làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn tại Việt Nam. Lực lượng lao động người nước ngoài được tuyển dụng vào làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là các chuyên gia, lao động kỹ thuật cao, nhà quản lý, giám đốc điều hành... Lực lượng này đã bổ sung đáng kể nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý điều hành, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được. Việc quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là vấn đề rất quan trọng,

phức tạp, nhạy cảm liên quan đến an ninh quốc gia, chính trị đối ngoại và vừa liên quan đến phát triển kinh tế, phát triển thị trường lao động.

Để tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài, nước ta đã ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép lao động tại Việt Nam hiện nay là Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 152/2020/NĐ-CP).

Qua quá trình thực hiện, nhận thấy doanh nghiệp còn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, đặc biệt về thủ tục, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp... Các cơ quan ban ngành, cơ quan chuyên môn các địa phương, đặc biệt là các tỉnh thành có số lượng lao động nước ngoài lớn, đã tổ chức nhiều tọa đàm, hội thảo, đối thoại với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn về thủ tục cấp giấy phép lao động. Ngày 18/9/2023 Chính phủ

ban hành Nghị định số 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (Nghị định số 70/2023/NĐ-CP). Nghị định số 70/2023/NĐ-CP có nhiều nội dung thay đổi so với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, đã phần nào tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp về thủ tục liên quan giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài.

Những vướng mắc trên thực tiễn của doanh nghiệp về thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đã được tháo gỡ bởi quy định pháp luật sửa đổi, bổ sung

Thứ nhất, thời gian làm thủ tục để có được giấy phép lao động kéo dài. Trước đây, theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) cần nộp hồ sơ đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động nước ngoài lên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải trình về nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài

để xin chấp thuận từ cơ quan này. Từ ngày 18/9/2023, thời gian tối thiểu để báo cáo về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đã được rút ngắn xuống còn “ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc”.

Thứ hai, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định chuyên gia phải có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm tại Việt Nam; hoặc ít nhất 05 năm kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm tại Việt Nam. Quy định này chưa phản ánh đúng thực tế, do nhiều chuyên gia cấp cao giàu kinh nghiệm nhưng vì một số lý do không thể cung cấp được bằng đại học hoặc tương đương, khiến nhiều chuyên gia cấp cao từng làm việc ở các nước phát triển nhưng lại không thể xin giấy phép lao động ở Việt Nam... Hiện nay, chuyên gia chỉ cần tốt nghiệp đại học trở lên



Ảnh minh họa
(Nguồn: Báo Dân trí)



*Ảnh minh họa
(Nguồn: Báo Dân trí)*

hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Thứ ba, về báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP yêu cầu người sử dụng lao động phải báo cáo giải trình lý do không tuyển được lao động Việt Nam trước khi tuyển lao động nước ngoài nhưng không rõ ràng quy định về tuyển dụng lao động Việt Nam, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi chứng minh, giải trình việc này với cơ quan quản lý. Hiện nay đã bổ sung quy định cụ thể về việc phải thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng lao động nước ngoài trên Cổng Dịch vụ công tại địa chỉ <https://dvc.vieclamvietnam.gov.vn> trong thời gian ít nhất 15 ngày, giúp người sử dụng lao động thuận tiện trong giải trình lý do không tuyển được lao động Việt Nam.

Mặt khác, cũng giúp lao động nước ta tiếp cận thông tin tuyển dụng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; bảo đảm sự minh bạch trong quá trình tuyển dụng lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động theo quan điểm chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 06/NQ-CP về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

Thứ tư, về trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp và cấp lại giấy phép lao động đơn giản, minh bạch hơn.

- Về nhà quản lý, giám đốc điều hành, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP đã liệt kê cụ thể các giấy tờ chứng minh gồm: Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương; nghị quyết hoặc quyết định bổ

nhệm của tổ chức, doanh nghiệp.

- Về chuyên gia, lao động kỹ thuật, quy định trước đây chưa thừa nhận giấy phép lao động đã được cấp được coi là minh chứng kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật. Hiện nay, pháp luật cho phép sử dụng các giấy phép lao động đã được cấp để chứng minh kinh nghiệm làm việc.

- Về giấy tờ nộp hồ sơ để nghị xin cấp giấy phép lao động, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP bổ sung “bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc bản sao có xác nhận của người sử dụng lao động”. Quy định sửa đổi giúp người sử dụng lao động linh hoạt hơn, được lựa chọn chứng thực hộ chiếu hoặc người sử dụng lao động tự đóng dấu xác nhận lên hộ chiếu của người lao động nước ngoài khi nộp hồ sơ để nghị.

- Về người lao động nước ngoài làm nhiều địa điểm, hiện nay bổ sung quy định người lao động nước ngoài làm việc tại nhiều địa điểm được cấp giấy phép lao động. Cụ thể, người lao động nước ngoài làm việc nhiều địa điểm trong tỉnh, thành phố thì do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép lao động; còn làm việc nhiều địa điểm tại nhiều tỉnh, thành phố thì do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép lao động. Quy định này giúp người lao động làm việc tại nhiều địa điểm chỉ cần được cấp 01 giấy phép lao động và không cần nhiều nhiều giấy phép lao động như trước đây để giảm các thủ tục hành chính.

Thứ năm, về công tác quản lý lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố (trong đó có thẩm quyền cấp giấy phép lao động) được chuyển từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở

Lao động - Thương binh và Xã hội. Trước đây, Nghị định số 152/202/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện về công tác quản lý lao động nước ngoài (trong đó có cấp giấy phép lao động...) trên địa bàn tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, trên thực tế ở các địa phương, Ủy ban nhân dân vẫn sẽ ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, vô hình chung đã “vẽ” thêm một bước thủ tục không cần thiết. Quy định mới hiện nay bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; bảo đảm việc thống nhất quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam từ trung ương đến địa phương. Ngoài ra, còn khắc phục được những bất cập về việc thực hiện cấp giấy phép lao động cho đơn vị không phải cơ quan chuyên môn là Ban quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Những vướng mắc còn tồn đọng và kiến nghị giải pháp tháo gỡ

Thứ nhất, vấn đề thẩm quyền cấp giấy phép lao động hiện vẫn không rõ ràng giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo quy định, thẩm quyền cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho các tổ chức, cơ quan do “*Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành cho phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật*”¹ do Bộ thực hiện; còn doanh nghiệp do “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban*

¹ Điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP.

nhân dân cấp huyện”² thành lập thì do Sở thực hiện. Tuy nhiên, hiện không có quy định về trường hợp nếu một doanh nghiệp đặc thù có cả hai giấy phép hoạt động thì giấy phép lao động do Bộ hay Sở Lao động - Thương binh cấp? Việc quy định không rõ ràng về thẩm quyền giữa Bộ và Sở Lao động - Thương binh dẫn tới một số giấy phép lao động được Sở cấp nhưng Bộ Lao động - Thương binh không công nhận hiệu lực. Để giải quyết vướng mắc này, cần có quy định pháp luật cụ thể hơn để xác định thẩm quyền trong những trường hợp đặc thù.

Thứ hai, có những khó khăn khi làm thủ tục qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cụ thể: nhân sự của doanh nghiệp phụ trách nộp hồ sơ có thể không hiểu không rõ các yêu cầu và hướng dẫn trên cổng thông tin; thường xuyên gặp phải các sự cố kỹ thuật như lỗi trang web, trục trặc trong việc tải lên tài liệu, hoặc khó khăn trong việc truy cập trang do bảo trì hệ thống. Khi nộp qua Cổng dịch vụ công, việc chuẩn bị không đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ cần thiết có thể dẫn đến việc không thể hoàn tất thủ tục trực tuyến, khó giải quyết linh hoạt hơn khi nộp trực tiếp. Ngoài ra,

² Điểm a khoản 6 Điều 30 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm đ khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP.

quy trình xử lý hồ sơ trực tiếp có thể mất nhiều thời gian hơn dự kiến, gây bất tiện và ảnh hưởng đến kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp. Để giải quyết những vấn đề này, trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương là ban hành hướng dẫn chi tiết, cụ thể trên Cổng thông tin, cài đặt điện thoại trực giải đáp hoặc hòm thư hỗ trợ khi doanh nghiệp có thắc mắc. Phía doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ lưỡng hồ sơ và tài liệu cần thiết trước khi bắt đầu quá trình làm thủ tục nộp hồ sơ, đồng thời kiên nhẫn chờ đợi và theo dõi tiến trình xử lý thủ tục trực tuyến.

Thứ ba, quá trình nộp hồ sơ, doanh nghiệp thường mắc phải một số nội dung chưa đảm bảo điều kiện về hình thức như hợp pháp hóa lãnh sự, sao y chứng thực và dịch công chứng, thậm chí có những lỗi phổ biến là thể thức trình bày văn bản chưa đảm bảo quy định, thiếu thông tin, thông tin chưa chính xác, tẩy xóa nhiều, hồ sơ nộp trực tuyến và hồ sơ giấy chưa thống nhất... Để tháo gỡ, bản thân doanh nghiệp cần lưu ý hơn khi thực hiện các thủ tục hành chính, tránh mắc những lỗi nhỏ nhưng lại gây mất thời gian, tốn kém cho cả doanh nghiệp, người lao động nước ngoài và cơ quan nhà nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Lao động năm 2019;
2. Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
3. Nghị định số 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. Nghị định số 70/2023/NĐ-CP

CÁC KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN LUẬT ĐẤU GIÁ ĐỂ NGĂN CHẶN TÌNH TRẠNG QUÂN “XANH” QUÂN “ĐỎ”

Đấu giá viên Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch HĐQT – Công Ty CP Đấu Giá Minh Pháp

Nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của hoạt động đấu giá trong phát triển kinh tế-xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, chuyển đổi số, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Chính Phủ đã trình ra Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 6 vừa qua về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Hiện nay, dự án Luật đang tiếp tục được lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức dự kiến sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV.

Một trong những nội dung nhận được nhiều quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp, các chuyên gia trong thời gian vừa qua đó là, khi các tài sản đem đấu giá càng nhiều, giá trị càng lớn, có một số loại tài sản vô hình phát sinh, có thể đấu giá... nhưng chưa được Luật quy định, và điều quan trọng là mức tiền đặt trước, quyền và trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản... cần phải quy định rõ ràng hơn. Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp đấu giá, góp phần thúc đẩy và phát triển hoạt động đấu giá tài sản theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thông lệ quốc tế

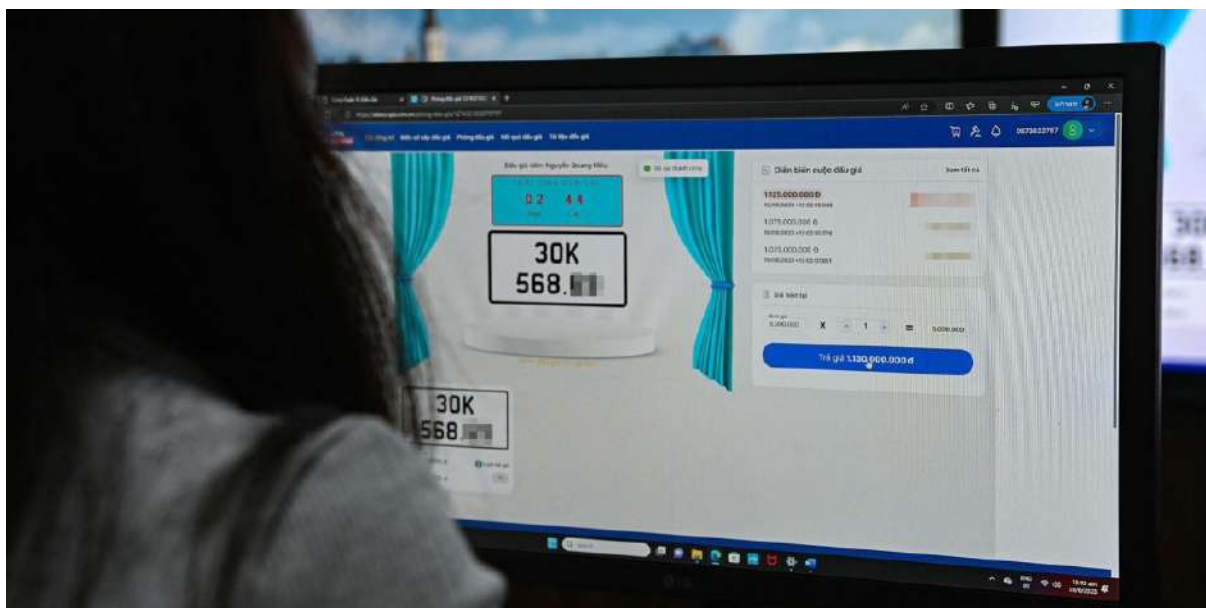


*Giám sát phiên đấu giá từ xa
(Nguồn: Internet)*

Khắc phục những bất cập lớn nhất là tình trạng lợi dụng lỗ hổng pháp luật để thực hiện “quân xanh, quân đỏ” của người tham gia đấu giá, chông chéo giữa Luật đấu giá với Luật chuyên ngành.

Hiện nay, hiện tượng “cò đấu giá”, “quân xanh, quân đỏ” lộng hành, hay thông đồng, làm sai lệch kết quả đấu giá, đe dọa người tham gia đấu giá để “dim giá”; bỏ giá rất cao một số lô đất, rồi “bỏ cọc”, tạo mặt bằng “giá ảo” để thao túng thị trường...

Luật đấu giá tài sản hiện hành không quy định vấn đề xác định nguồn lực tài chính của người tham gia đấu giá., việc này dẫn đến tình trạng lợi dụng đấu giá làm rối loạn thị trường đất đai hay “đấu giá hộ” do không đủ nguồn lực tài chính, nhiều trường hợp dựa hoàn toàn vào ngân hàng bảo lãnh... Hiện



Đấu giá biển số xe “siêu đẹp”

(Nguồn: Internet)

nay, nhiều doanh nghiệp đầu tư Bất động sản đã lợi dụng lỗ hổng pháp lý này, nhất là xác định năng lực tài chính “*vốn thực có*” của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

Bên cạnh đó, hiện nay, tài sản cũng rất đa dạng, không chỉ có nhiều dạng tài sản hữu hình mà tài sản vô hình cũng ngày càng nhiều. Ví dụ: hợp đồng, bằng chứng nhận, hồ sơ đăng ký, đĩa mềm máy tính, danh sách khách hàng, nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, tên gọi xuất xứ, tên thương mại, bí mật kinh doanh, phát minh khoa học, sáng kiến, quyền tác giả, bản quyền ... đây là những loại tài sản gắn liền với quá trình hoạt động và phát triển của doanh nghiệp, trong khi đó, tài sản vô hình đôi khi lại có giá trị rất lớn. *“Như vậy, tài sản vô hình của doanh nghiệp có đem ra đấu giá hay không, đấu giá như thế nào, tài sản nào điều chỉnh bởi Luật Đấu giá tài sản, tài sản nào điều chỉnh bởi luật khác”.*

Luật Đấu giá tài sản chỉ quy định về trình tự, thủ tục đấu giá do các tổ chức

đấu giá tài sản thực hiện. Tuy nhiên chính các yếu tố như thẩm định giá, xác định giá khởi điểm, phê duyệt phương án đấu giá, giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá, nộp tiền trúng đấu giá... mới là yếu tố tiên quyết định thành công của cuộc đấu giá. Hiện nay các yếu tố này chịu sự điều chỉnh của các luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật giá, Luật Quản lý sử dụng tài sản công... và thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan Nhà nước khác nhau. Thêm vào đó, việc tổ chức thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật về hoạt động đấu giá tài sản còn chưa nghiêm. Vai trò, trách nhiệm quản lý tài sản trong quá trình xử lý tài sản, nhất là đối với tài sản công của một số người có tài sản, cơ quan, tổ chức, địa phương chưa được quan tâm, nhận thức đúng và đầy đủ. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực đấu giá tài sản còn chưa thực hiện thường xuyên; việc xử lý các vi phạm trong hoạt động đấu giá đôi khi còn tình trạng nể nang, “*nuông tay*”, tính răn đe chưa cao.

Chất lượng dịch vụ đấu giá nhìn chung cũng còn nhiều bất cập. Tình trạng “quân xanh, quân đỏ”, “thông đồng, đim giá” ngày càng có xu hướng tinh vi, phức tạp; cơ chế kiểm soát còn bộc lộ một số vướng mắc; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đấu giá còn một số hạn chế, khó khăn. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đấu giá tài sản là rất cần thiết và cấp bách.

Những kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về đấu giá tài sản

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đấu giá tài sản là rất cần thiết và cấp bách, trong bối cảnh hội nhập, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia. Tuy nhiên, pháp luật về đấu giá tài sản là một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, liên quan đến nhiều loại hình tài sản, nhiều tài sản có Luật chuyên ngành điều chỉnh, trong đó Luật Đấu giá tài sản chỉ là một luật và chủ yếu mang tính hình thức, hạn chế trong lĩnh vực đấu giá tài sản hiện nay nằm ở trong nhiều văn bản chú

không chỉ nằm ở trong Luật này.

Do vậy, phải rà soát, phải sửa đổi để khắc phục những sơ hở, bất cập, chồng chéo, có nguy cơ xảy ra tham nhũng, tiêu cực cục bộ, lợi ích nhóm trong các lĩnh vực trọng tâm và nhạy cảm, trong đó có lĩnh vực đấu giá tài sản, đây là công việc hệ trọng và đòi hỏi sự quan tâm của cả hệ thống, trong đó có nhiều Bộ ngành có liên quan, như ngành tài chính, ngành tài nguyên môi trường, ngành khoa học công nghệ.

Về những kiến nghị cụ thể, chúng ta cần nhìn nhận làm rõ những lỗ hổng về luật hiện hành, phân tích cụ thể nguyên nhân vướng mắc, ách tắc trong hoạt động đấu giá.... đó là tình trạng thông đồng “quân xanh, quân đỏ”, từ đó cần siết chặt hơn điều kiện tham gia đấu giá nhằm giảm thiểu tình trạng “quân xanh, quân đỏ”. Các quy định cần tuân theo nguyên tắc đấu giá là pháp luật về hình thức, liệt kê đầy đủ hơn các tài sản công, tài sản vô hình cần phải bán đấu giá, cập nhật những thuật ngữ, siết chặt một số các quy định để giảm tình trạng thông đồng, đim giá, trục lợi và



*Cần rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định không phù hợp
(Nguồn: Internet)*

đặc biệt làm thất thoát ngân sách Nhà nước.

Cần sửa Luật Đấu giá tài sản theo hướng siết chặt một số quy định để tránh thông đồng, dìm giá; tăng cường năng lực, chuyên nghiệp hóa đội ngũ đấu giá, phát triển đấu giá trực tuyến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đấu giá tài sản, sử dụng hình thức đấu giá trực tuyến.

Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước, trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu giá, cuộc đấu giá... Điều này nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp trong hoạt động đấu giá; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các biểu hiện “*quân xanh, quân đỏ*” và các hành vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực đấu giá tài sản.

Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính khi chuyển quyền sở hữu tài sản sau khi trúng đấu giá, bảo vệ người ký hợp đồng mua bán tài sản. Việc hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá, cũng cần được

quy định chặt chẽ hơn, hiện nay Luật hiện hành không quy định, tuy nhiên trách nhiệm xuất hóa đơn VAT, kê khai thuế khi thực hiện ký kết hợp đồng chuyển quyền cần quy định rõ, tránh việc gây khó khăn cho người trúng đấu giá, trong một số trường hợp người có tài sản chậm trễ hoặc không ký hợp đồng mua bán tài sản thì giải quyết như thế nào.

Cuối cùng, rà soát các quy định về đấu giá các tài sản đặc thù như quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản, quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, biển số xe... Cần bảo đảm nguyên tắc các quy định của Luật đấu giá tài sản về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, các vấn đề trước và sau khi đấu giá như: giám định tài sản đấu giá, định giá, xác định giá khởi điểm, điều kiện của người tham gia đấu giá, phê duyệt kết quả đấu giá, ký hợp đồng mua bán, nộp tiền trúng đấu giá, bàn giao tài sản đấu giá... Đồng thời nghiên cứu xây dựng quy định chung về đấu giá các tài sản đặc thù khác như quyền khai thác đường cao tốc, cổ phần của Nhà nước, mua bán nợ... nhằm bảo đảm sự ổn định, hiệu lực lâu dài của Luật, có cơ sở để xử lý khi phát sinh các loại tài sản đặc thù khác trong thực tiễn.

THỰC TRẠNG VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THÁO GỖ TRONG CẤP PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN PCCC VỚI DOANH NGHIỆP

Nguyễn Hoàng Phương

Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Tp Cần Thơ

Giấy phép phòng cháy chữa cháy (hay Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy) là tài liệu pháp lý chứng minh đối tượng được cấp đã đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật. Đối với các ngành nghề kinh doanh thuộc diện phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện PCCC thì giấy chứng nhận đủ điều kiện PCCC là một yêu cầu pháp lý bắt buộc trước khi cơ sở, doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động.

Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng cháy chữa cháy hiện hành mô tả cháy được hiểu là trường hợp xảy ra cháy không kiểm soát được có thể gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường.

Với cụm từ này, Phòng cháy chữa cháy là tổng hợp các giải pháp mang tính kỹ thuật, có liên quan tới việc hạn chế tới mức tối thiểu các nguy cơ gây cháy nổ, hỏa hoạn, đồng thời nhanh chóng dập tắt và xử lý khi đám cháy xảy ra, ngăn chặn cháy lan cũng như xử lý thiệt hại về người và tài sản.

Vai trò của doanh nghiệp trong công tác PCCC

Một trong bốn nguyên tắc của hoạt động PCCC đó là: *“Mọi hoạt động phòng cháy và chữa cháy trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ”*. Khi đám cháy mới xảy ra thường là cháy nhỏ, nếu được phát hiện kịp thời và có lực lượng, phương tiện tại chỗ thì việc dập tắt đám cháy rất nhanh và đơn giản;



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

nhưng nếu không phát hiện và không tổ chức chữa cháy kịp thời thì đám cháy sẽ phát triển lớn, việc tổ chức chữa cháy rất khó khăn, phức tạp và dẫn đến thiệt hại rất nghiêm trọng. Thực tiễn đã chứng minh, công tác PCCC có hiệu quả hay không phụ thuộc vào việc triển khai thực hiện phương châm 4 tại chỗ: *“Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ”*.

Xét trên bình diện nguyên tắc trên DN và chủ DN cần ý thức được sự quan trọng của phòng cháy chữa cháy

trong sản xuất kinh doanh và môi trường làm việc hàng ngày của người lao động. Không được đùn đẩy trách nhiệm cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy, thường xuyên tập huấn, huấn luyện sử dụng các thiết bị báo cháy và chữa cháy cho các cán bộ, nhân viên và công nhân biết về tín hiệu báo cháy, cách di chuyển thoát nạn, vị trí bình chữa cháy và thao tác chữa cháy khi đám cháy mới phát sinh. Bảo trì bảo dưỡng thiết bị chữa cháy.

Trong công tác PCCC, không ai khác ngoài người đứng đầu DN giữ vai trò quan trọng trong công tác PCCC của cơ sở mình; bởi người đứng đầu cơ sở là người quyết định mọi hoạt động PCCC của cơ sở mình, cụ thể: từ việc ra quyết định thành lập lực lượng PCCC cơ sở; ban hành nội quy, quy định về PCCC ở cơ sở; đầu tư trang bị các phương tiện PCCC cần thiết; tổ chức duy trì hoạt động PCCC ở cơ sở... tất cả các vấn đề này đều do người đứng đầu cơ sở quyết định. Thực tế đã chứng minh, ở đâu người đứng đầu cơ sở quan tâm đến công tác PCCC thì ở đó công tác PCCC mới thật sự tốt.

Những điều kiện bắt buộc theo quy định pháp luật để DN được được phép hoạt động và đảm bảo an toàn, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra.

Để đảm bảo an toàn PCCC, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra chủ nhà xưởng, cơ sở sản xuất doanh nghiệp phải thực hiện nghiệp tục các quy định PCCC như sau:

i) Khi lắp đặt hệ thống điện, thiết bị tiêu thụ điện phải đảm bảo đúng quy

định, tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt thiết bị tự ngắt (aptomat) cho hệ thống điện trong nhà xưởng, kho hàng và từng thiết bị tiêu thụ điện công suất lớn. Không bố trí vật tư hàng hóa dễ cháy gần dây dẫn, bóng đèn, ổ cắm, cầu dao...

ii) Được Thẩm duyệt về PCCC đối với công trình xây dựng mới, cải tạo, thay đổi quy mô, tính chất hoạt động, nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng.

iii) Thành lập đội PCCC cơ sở có đủ lực lượng để duy trì và tăng cường công tác thường trực, tuần tra phát hiện cháy nổ, thường xuyên tổ chức tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC hướng dẫn thoát nạn và cứu người cho lực lượng này. (tùy theo quy mô lao động của doanh nghiệp, quy định về đội chữa cháy cơ sở có những tiêu chí cụ thể)

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự cố gắng, nỗ lực của các bộ, ban, ngành, địa phương và các lực lượng chức năng, nòng cốt là lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH), công tác PCCC và CNCH đã đạt nhiều kết quả quan trọng, khẳng định được vị trí, vai trò, tầm quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ của người dân, góp phần tạo môi



*Toàn cảnh Đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội làm việc với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
(Nguồn: Báo Chính phủ)*

trường an toàn phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, cháy, nổ, sự cố, tai nạn diễn biến phức tạp, nhất là tai nạn khu dân cư, chung cư cao tầng, khu công nghiệp, chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, quán karaoke..., một số vụ làm chết nhiều người, tổn thương lớn về tinh thần, thiệt hại nặng nề về vật chất của người dân, ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn, an sinh xã hội, gây hoang mang dư luận. Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổng rà soát, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy trên toàn quốc. Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 513/KH-BCA-C07 ngày 7/10/2022 chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tổng rà soát, kiểm tra đối với 100% các cơ sở thuộc diện quản lý về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Theo đó, Bộ Công an, Công an các

tỉnh, đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra bao gồm điều kiện an toàn về PCCC và CNCH đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 và Điều 7 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy. Trong đó tập trung Kiểm tra, hướng dẫn người đứng đầu cơ sở, doanh nghiệp, hộ kinh doanh; việc duy trì các điều kiện về ngăn cháy lan, lối thoát nạn; bố trí, sắp xếp đồ dùng, vật dụng, phương tiện (ô tô, xe máy...), hàng hóa kinh doanh trong nhà, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC, ngăn cháy lan; tổ chức lực lượng PCCC tại chỗ để kịp thời xử lý sự cố khi mới phát sinh. Trang bị hệ thống, thiết bị báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động, bình chữa cháy xách tay phù hợp với quy mô tính chất của công trình.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát thống kê danh sách công trình, phân loại các tồn tại theo lĩnh vực xây dựng, PCCC, cấp phép, cư trú, điện... để có các giải pháp an toàn PCCC và thoát nạn phù hợp... Đồng thời trên cơ sở kết quả kiểm tra sẽ cho phép hoặc tạm đình chỉ cơ sở sản xuất kinh doanh nếu không đủ điều kiện về PCCC.

Việc xử lý với tinh thần tất cả các hành vi vi phạm về PCCC và CNCH phải được xử lý nghiêm theo quy định và bắt buộc khắc phục đối với các cơ sở không đảm bảo điều kiện an toàn PCCC và CNCH. Công khai các cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về PCCC trên phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên cảnh báo cộng đồng dân cư xung quanh và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các cá nhân, tổ chức cố tình đưa dự án, công trình, cơ sở vào sử dụng nhưng không đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH gây hậu quả nghiêm trọng.

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phòng cháy, chữa cháy cho khoảng 10.000 cơ sở sản xuất kinh doanh.

Trước những siết chặt về kỷ luật, kỷ cương chấp hành pháp luật về PCCC, nhiều doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đã có những kiến nghị, lên các cấp có thẩm quyền đề nghị xem xét có những tháo gỡ về điều kiện, đảm bảo DN vẫn duy trì sản xuất, nhưng vẫn phải đáp ứng các điều kiện về PCCC, cụ thể những kiến nghị của DN như sau:

Công trình không đáp ứng yêu cầu

PCCC ngay khi đưa vào sử dụng hoặc qua quá trình cải tạo, sửa chữa, thay đổi công năng nhưng không chấp hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn phòng chống cháy nổ, cụ thể Ngày 30/11/2022, Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/01/2023. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng QCVN 06:2022/BXD đã gặp phải một số tồn tại một số khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu liên quan đến các vi phạm về kiến trúc, kết cấu xây dựng của công trình đã thi công xây dựng hiện hữu như: Đường giao thông phục vụ chữa cháy, khả năng tiếp cận của xe thang, xe chữa cháy đến công trình; Khoảng cách PCCC của công trình đến đường ranh giới khu đất, đến các công trình lân cận không đảm bảo; Chưa đảm bảo số lượng, chủng loại buồng thang bộ thoát nạn, cầu thang trong nhà để hờ... hoặc cơ sở vi phạm quy định về trật tự xây dựng, dẫn tới khó khăn về kỹ thuật và pháp lý, kéo dài thời gian khắc phục của chủ đầu tư.

Về giải pháp, vấn đề này, các Hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp đã kiến nghị Bộ Xây dựng cần ban hành hướng dẫn, tiêu chí xác định những công trình hiện hữu đang vi phạm quy định PCCC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết; phân loại theo nhóm nguy cơ cháy nổ, quy mô, mức độ phức tạp... từ đó, có hướng dẫn giải pháp kỹ thuật khắc phục, bổ sung linh hoạt, phù hợp với từng nhóm công trình, bảo đảm hiệu quả phòng, chống cháy nổ. Việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn PCCC không cứng nhắc, máy móc, cần phân loại nhóm

công trình phải quản lý rất chặt; nhóm công trình gắn với trách nhiệm của chủ đầu tư, Đồng thời, các bộ, ngành tăng cường phân cấp trong thẩm duyệt, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn PCCC; có cơ chế công nhận, thừa nhận lẫn nhau về quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn cháy nổ đối với máy móc, thiết bị, vật liệu công trình xây dựng...

Chi phí làm phòng cháy chữa cháy cao hơn xây nhà xưởng

Nhiều Hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp dẫn chứng, quy định về “*Kết cấu chịu lực được bọc bảo vệ bằng chất, vật liệu chống cháy*” của Bộ Công an áp dụng theo tiêu chuẩn của Anh. Tức các cột thép nhà xưởng phải bọc vật liệu chống cháy bằng vật liệu rỗng hoặc toàn bộ kết cấu thép phải sơn bằng loại sơn chống cháy, có chi phí cao. Tuy nhiên, thị trường Việt Nam chưa có loại sơn nào được cấp phép đủ điều kiện. Điều này dẫn đến hệ quả

không nghiệm thu được công trình mới. Quy định kiểm định vật phẩm chống cháy cũng rất phức tạp, trong khi đó, chỉ có 2 đơn vị tại Hà Nội là Đại học PCCC (Bộ Công an) và Viện Khoa học công nghệ xây dựng (Bộ Xây dựng) được cấp phép kiểm định nên các doanh nghiệp phía Nam phải gửi mẫu phẩm ra Hà Nội để kiểm định, gây mất nhiều thời gian và chi phí của doanh nghiệp.

“*Nhiều nhà đầu tư phản ánh chi phí tuân thủ PCCC sẽ làm giảm sự cạnh tranh trong môi trường đầu tư của Việt Nam theo đánh giá của quốc tế*”, Thậm chí, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi trong ngành logistics phản ánh “*chi phí đầu tư cho PCCC*” chuyển thành chi phí “*chạy thủ tục cấp phép*”, gây ảnh hưởng đến an toàn của người lao động và doanh nghiệp.

Giải pháp trước những vấn đề vướng mắc trong việc xin thủ tục cấp phép đủ điều kiện PCCC, các hiệp hội, doanh



*Kiểm tra PCCC tại nơi sản xuất
(Nguồn: Internet)*

ng nghiệp đều mong được gỡ bỏ, sửa đổi những quy định chưa phù hợp với thực tế. Ví dụ, cơ quan chức năng cần giới hạn quy định bọc vật liệu chống cháy vào kết cấu thép với các công trình đặc thù như quốc phòng, hóa chất hay sản xuất các vật liệu có nhiệt độ nóng chảy cao hơn thép. Các nhà máy, công trình thông thường được áp dụng các quy định phù hợp hơn.

Doanh nghiệp mong muốn cơ quan chức năng cũng cần sớm ban hành bộ tiêu chí hướng dẫn cụ thể, quy định tiêu chuẩn, chất lượng ngay từ khâu thiết kế, phê duyệt, đến nghiệm thu để các doanh nghiệp có cơ sở thực hiện.

Về lâu dài, các doanh nghiệp cũng kiến nghị cần rà soát chính sách pháp luật về phòng cháy, chữa cháy để kịp thời sửa đổi, bổ sung, đẩy mạnh cải cách, cắt giảm mạnh thủ tục hành

chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy. Đối với các loại hình cơ sở đã đưa vào sử dụng trước Luật phòng cháy, chữa cháy có hiệu lực đến thời điểm hiện tại đã xuống cấp, kết cấu, cơ sở vật chất không đáp ứng được việc áp dụng các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn mới; một số công trình cũ nằm trong diện quy hoạch, giải tỏa... xem xét có cơ chế phù hợp để vẫn đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy mà không ảnh hưởng đến sản xuất, an ninh xã hội.

Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm cháy, nổ toàn dân vào Luật; bổ sung quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phải chịu trách nhiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

GỖ VƯƠNG CHO DOANH NGHIỆP VỀ THỦ TỤC KIỂM DỊCH HÀNG XUẤT, NHẬP KHẨU CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT

TS. Phạm Thị Lý,

Công ty CP Công nghệ và Số hóa Toàn cầu



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

Thời gian gần đây một số mặt hàng nông sản và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (EU) bị thu hồi hoặc cảnh báo. Nguyên nhân là do các doanh nghiệp Việt Nam chưa cập nhật, nắm vững và tuân thủ quy định của thị trường nhập khẩu khó tính này, đặc biệt là những quy định về kiểm dịch thực vật đối với hàng nông sản. Bài viết dưới đây mong muốn làm rõ vai trò của các quy định về kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật, và nêu lên những kiến nghị của doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa có nguồn gốc thực vật xung quanh câu chuyện gỡ vướng những thủ tục xuất nhập khẩu

đối với nhóm hàng hóa chủ lực của Việt Nam này.

Kiểm dịch thực vật (tiếng Anh là *Phytosanitary*) là công tác quản lý Nhà nước nhằm **ngăn chặn những loài sâu, bệnh, cỏ dại nguy hiểm lây lan giữa các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.**

Với hàng nhập khẩu có liên quan hoặc có nguồn gốc thực vật, kiểm dịch là để đảm bảo không cho mầm bệnh theo hàng hóa nhập khẩu đi vào nước ta. Với hàng xuất khẩu, công việc cũng tương tự, nhưng là để chứng minh hàng đảm bảo điều kiện về kiểm dịch để xuất khẩu ra nước ngoài.

Kiểm dịch động thực vật đều thuộc

loại **Kiểm tra chất lượng Nhà nước** bắt buộc với một số mặt hàng khi làm thủ tục hải quan.

1. Vai trò của quy định về kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu có nguồn gốc nông sản

Các quy định pháp luật về kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có nguồn gốc thực vật nói chung, và hàng hóa nông sản nói riêng có những vai trò sau:

Một là, trên nền tảng của lý thuyết về bảo vệ người tiêu dùng, các biện pháp kiểm dịch thực vật được thực hiện để bảo vệ sức khỏe của con người. Kiểm dịch thực vật nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng bằng cách giảm nguy cơ lây truyền dịch bệnh do thực phẩm; đóng góp vào sự phát triển kinh tế bằng cách duy trì niềm tin của người tiêu dùng vào hệ thống thực phẩm và cung cấp nền tảng pháp lý hợp lý cho thương mại thực phẩm trong nước và quốc tế (FAO và WHO, 2000).

Hai là, ở góc độ quản lý nhà nước. Kiểm dịch thực vật được xem là giai đoạn hậu kiểm để kiểm tra lại việc tuân thủ các quy định pháp luật và khuyến cáo khoa học trong khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhằm qua đó đánh giá lại sự phù hợp và hiệu quả thực thi của quy định pháp luật về quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời bảo đảm hiệu quả, an toàn cho người trực tiếp sử dụng thuốc, an toàn đối với thực phẩm, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường, bảo vệ hệ sinh thái, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững và mục tiêu bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, việc thực thi quy định về kiểm dịch thực vật còn thể hiện trách nhiệm của quốc gia xuất khẩu đối với sự an toàn về sức khỏe của con người, động thực vật, môi trường và sự an ninh lương thực của các quốc gia khác trên thế giới.

Ba là, ý nghĩa về mặt kinh tế. Nếu việc kiểm dịch thực vật không được thực hiện một cách chặt chẽ sẽ gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế. Theo đó, nếu một lô hàng hóa được kiểm tra và phát hiện sớm các mối nguy về hóa học, vật lý và sinh học thì có thể kịp thời áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp nhằm giữ lại được lô hàng tránh bị hư hỏng trong quá trình bảo quản, vận chuyển hoặc sử dụng về sau. Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu và cả cơ quan chức năng của quốc gia xuất khẩu đều xem nhẹ vấn đề kiểm dịch thực vật sẽ dẫn đến khả năng lô hàng bị nước nhập khẩu từ chối nhập khẩu hoặc thậm chí là tiêu hủy, điều này gây thiệt hại to lớn về mặt kinh tế cho doanh nghiệp xuất khẩu và đồng thời cũng gây ảnh hưởng xấu hoạt động xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp khác.

Do đó, kiểm dịch thực vật mang ý nghĩa bảo vệ lợi ích kinh tế và uy tín không chỉ cho riêng doanh nghiệp xuất khẩu, mà còn cho cả quốc gia xuất khẩu. Bên cạnh đó, kiểm dịch thực vật còn giúp bảo vệ cả lợi ích kinh tế cho quốc gia nhập khẩu. Bởi vì, nếu hai hoạt động kiểm tra này không được thực hiện nghiêm túc, thì có thể dẫn đến tình trạng lây lan dịch bệnh sang quốc gia nhập khẩu, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, như: công dân của quốc gia nhập khẩu bị nhiễm

bệnh, phải đình trệ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa màu bị sâu bệnh, vật nuôi bị nhiễm bệnh, tốn nhiều chi phí để khắc phục hậu quả...

2. Những vướng mắc trong việc kiểm tra hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc thực vật.

Kiểm dịch thực vật chậm trễ nên lô hàng đó có thể bị trễ chuyến tàu.

Theo đó, các DN gặp nhiều trở ngại trong thực hiện chính sách về bảo vệ thực vật, đó là hàng xuất khẩu và nhập khẩu đều phải có sự chứng kiến, giám sát lấy mẫu và xác nhận đạt yêu cầu của Cục Bảo vệ thực vật. Về mặt chính sách của Nhà nước, các DN hoàn toàn ủng hộ, nhưng trở ngại nằm ở chỗ nguồn nhân lực của Cục Bảo vệ thực vật có giới hạn nên nhiều thời điểm đơn vị này không đáp ứng đủ nhân lực để lấy mẫu và xác nhận cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Trong khi nếu không được sự chứng nhận của Cục Bảo vệ thực vật thì lô hàng đó không thể được thông quan xuất khẩu cũng như nhập khẩu, dẫn tới dòng chảy hàng hóa bị gián đoạn rất nhiều, có thể phải đi chuyển sau, ảnh hưởng tới uy tín với các đối tác nước ngoài. Ngoài ra, còn có những phát sinh về chi phí khi xe container tới lấy hàng nhưng do chưa lấy mẫu nên phải chờ đợi, làm phát sinh chi phí của DN.

Cần rút ngắn thời gian làm thủ tục kiểm dịch thực vật xuất nhập khẩu

Đây cũng là khó khăn chung của các DN xuất nhập khẩu (XNK) hiện nay, việc KTCN trong XNK hàng hóa vẫn chưa nhanh gọn, cập nhật thông tin chưa đồng bộ. Đã khai quan, thông

quan điện tử nhưng đến điểm chốt cuối cùng lại phải mang tờ khai đóng dấu để nộp. Đã nộp thuế qua online, nhưng phải chụp bản nộp cho cơ quan hải quan.... thời gian kiểm tra thông quan vẫn còn chậm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa, đặc biệt là nông sản; Các TTHC còn nhiều điểm chưa có sự thống nhất đồng bộ giữa các bộ ngành, cơ quan; Chi phí cho lao động tại cảng, giao thông nội địa cao gần gấp đôi so với chi phí cảng biển; Lãi suất vay tăng, tỷ giá biến động; Hóa đơn đầu vào của các mặt hàng nông dân sản xuất chưa có nên khó khăn cho việc hạch toán chi phí; Nhà nước hiện đang bỏ trống thả lỏng khung giá các loại phí..

Nhiều mặt hàng chịu sự quản lý, cấp giấy phép, kiểm tra; xin cấp chứng thư của 2-3 cơ quan thuộc cùng một bộ hoặc thuộc 2-3 bộ, ngành khác nhau

VD: Mặt hàng đông trùng hạ thảo là một trong những điển hình về sự chồng chéo về quản lý chuyên ngành khi đang chịu sự quản lý của 2 bộ. Cụ thể: Bộ NN-PTNT quản lý vì cho rằng liên quan đến nguồn gốc thực vật, nhưng Bộ Y tế cũng quản lý vì cho rằng đây là dược phẩm. “Ngay trong Bộ NN-PTNT cũng có sự chồng chéo vì Cục Bảo vệ thực vật quản lý vì cho rằng liên quan đến nguồn gốc thực vật, nhưng một cơ quan khác trong Bộ này cũng quản lý vì cho rằng có yếu tố động vật. Trong khi quan điểm của Chính phủ là mỗi mặt hàng chỉ do một bộ quản lý. Ngoài ra, có nhiều nhóm hàng, gồm: ngô hạt, khô đậu tương, lúa mỳ hạt; giống cây trồng, thủy sản đông lạnh khi làm thủ tục xuất nhập khẩu vừa phải kiểm tra chất lượng vừa phải

kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật (chủ yếu thuộc diện quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Doanh nghiệp còn phải xin giấy phép lên Bộ Công thương. Do đó thời gian hoàn thành thủ tục KTCN của DN bị kéo dài, ảnh hưởng đến việc rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa của cơ quan hải quan theo mục tiêu Nghị quyết 68/NQ-CP.

3. Đã kịp thời gỡ vướng cho doanh nghiệp.

Để tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, tránh ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu, sau nhiều lần đề nghị, mới đây Bộ Y tế đã rà soát, sửa đổi Thông tư số 48/2018/TT-BYT theo hướng chỉ đưa vào Danh mục dược liệu những sản phẩm chỉ có mục đích sử dụng làm dược liệu, đối với những sản phẩm chủ yếu để làm thực phẩm thì đưa ra khỏi Danh mục dược liệu, bổ sung vào Danh mục sản phẩm thực phẩm theo

kiến nghị trước đó của Tổng cục Hải quan. Cụ thể, trên cơ sở quy định mới doanh nghiệp cần kịp thời nắm bắt những vấn đề sau.

Căn cứ theo Điều 3 Thông tư 48/2018/TT-BYT được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư 17/2023/TT-BYT quy định về nguyên tắc kiểm tra như sau:

1) Tuân thủ nguyên tắc quy định tại Khoản 4 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm.

2) Không chồng chéo về đối tượng, nội dung, địa bàn và thời gian kiểm tra. Trong trường hợp có sự trùng lặp về kiểm tra của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp dưới và kiểm tra của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên, giữa các ngành, các cấp thì xử lý theo thứ tự sau:

a) Kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo quyết định của cơ quan cấp trên;



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

b) Kiểm tra liên ngành trùng với kiểm tra của một ngành thì thực hiện theo kiểm tra liên ngành;

c) Kiểm tra của cơ quan trực tiếp quản lý sản phẩm, nhóm sản phẩm theo nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trùng với kiểm tra của cơ quan khác thì cơ quan trực tiếp quản lý sản phẩm, nhóm sản phẩm thực hiện kiểm tra.

Như vậy, theo quy định trước ngày 09/11/2023 thì việc thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm khi có sự trùng lặp hay chồng chéo thì sẽ thực hiện theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

Tuy nhiên Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT đã hết hiệu lực từ ngày 15/02/2021, cho nên theo quy định mới tại Thông tư 17/2023/TT-BYT đã sửa đổi nguyên tắc kiểm tra an toàn thực phẩm khi có sự trùng lặp hay chồng chéo. Theo đó: Trong trường hợp có sự trùng lặp về kiểm tra của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp dưới và kiểm tra của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên, giữa các ngành, các cấp thì xử lý theo thứ tự sau:

- Kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo quyết định của cơ quan cấp trên;

- Kiểm tra liên ngành trùng với kiểm tra của một ngành thì thực hiện theo kiểm tra liên ngành;

- Kiểm tra của cơ quan trực tiếp quản lý sản phẩm, nhóm sản phẩm theo nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

tại Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP trùng với kiểm tra của cơ quan khác thì cơ quan trực tiếp quản lý sản phẩm, nhóm sản phẩm thực hiện kiểm tra.

Riêng đối với nhóm DN thực hiện việc Xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc thực vật, đặc biệt là các nhóm hàng vào thị trường các nước phát triển như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, các DN cần đáp ứng những điều kiện là: (i) Doanh nghiệp có tên trong danh sách được phê duyệt đủ điều kiện xuất khẩu sang EU với mặt hàng đã đăng ký; (ii) Hàng hóa phải được Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật và Thông báo đáp ứng về an toàn thực phẩm; (iii) Vùng trồng phải được đăng ký và giám sát quá trình sản xuất - chế biến theo quy định của Việt Nam và EU; (iv) Phải tuân thủ quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và ghi nhãn hàng hóa. Bên cạnh đó, do Việt Nam được ưu đãi về thuế quan và hạn ngạch xuất khẩu từ EVFTA, nên hàng nông sản của Việt Nam để được hưởng các ưu đãi từ Hiệp định, phải đáp ứng cả điều kiện về truy xuất nguồn gốc xuất xứ (Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hoặc tự công nhận).

QUY ĐỊNH VỀ XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG - NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

ThS. Vũ Hải Việt

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật

Môi trường là một vấn đề rất quan trọng đối với sự phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Môi trường liên quan mật thiết đến sự sống của con người, không có môi trường con người sẽ không tồn tại được. Trong đời sống hiện đại, một môi trường tốt là thước đo cho sự văn minh của một quốc gia.

Hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường trên toàn cầu đang ở mức báo động và trở thành vấn đề cấp thiết cần được giải quyết. Môi trường trên thế giới ngày càng trở nên ô nhiễm nghiêm trọng, dân số thế giới ngày càng đông và tăng lên, kéo theo nhu cầu các hoạt động cao nhưng ý thức lại không được cải thiện gây nên tác động xấu cho môi trường. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu quy định xin cấp phép môi trường - Những vấn đề pháp lý và thực tiễn, từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định này góp phần vào công cuộc bảo vệ bảo vệ môi trường vì sự nghiệp phát triển của đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*”.

1. Khái niệm, ý nghĩa và thời hạn của giấy phép môi trường

1.1. Khái niệm

Giấy phép môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và duy



Ảnh minh họa

(Nguồn: Thư viện pháp luật)

trì sức khỏe của môi trường và cộng đồng xung quanh. Điều này không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là công cụ quản lý để bảo đảm rằng, mọi hoạt động kinh doanh đều được thực hiện một cách bền vững và có tác động tích cực đối với hệ sinh thái. Giấy phép môi trường đặt ra các tiêu chuẩn và yêu cầu cụ thể để kiểm soát và giảm thiểu tác động tiêu cực lên không khí, nước, đất, và bảo đảm an toàn cho cả con người và các loài sinh vật khác nhau. Đồng thời, nó tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững, giúp doanh nghiệp xây dựng hình ảnh tích cực và đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng về trách nhiệm xã hội và môi trường.

“Giấy phép môi trường là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân có hoạt

động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phép xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất kèm theo yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật¹.

1.2. Ý nghĩa của giấy phép môi trường

Hiện nay, ô nhiễm môi trường là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu tại Việt Nam. Vì thế những quy định của pháp luật về môi trường được thay đổi, cập nhật liên tục để bảo đảm việc quản lý môi trường được chặt chẽ và tối ưu nhất. Một trong những loại hồ sơ được cập nhật, thay đổi đó là giấy phép môi trường. Giấy phép môi trường là Hồ sơ môi trường bắt buộc đối với tất cả các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công trình xử lý chất thải (nước thải, không khí, chất thải rắn, chất thải y tế,...) bởi vì: (i) Giấy phép môi trường là căn cứ cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường; (ii) Giấy phép môi trường thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ doanh nghiệp... (iii) Giấy phép môi trường là biện pháp hữu hiệu để kiểm soát ô nhiễm môi trường từ hoạt động của nhà máy, cơ sở sản xuất, dịch vụ,... (iv) Giấy phép môi trường góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đồng thời bảo đảm vấn đề bảo vệ môi trường; (v) Giấy phép môi trường là loại giấy phép được đại diện, căn cứ đầy đủ cho doanh nghiệp....

1.3. Thời hạn của giấy phép môi trường²

1 Khoản 8 Điều 3 Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường số: 21/VBHN-VPQH ngày 29/12/2022.

trường²

Khoản 4 Điều 40 Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường số: 21/VBHN-VPQH ngày 29/12/2022 quy định:

a) 07 năm đối với dự án đầu tư nhóm I;

b) 07 năm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I;

c) 10 năm đối với đối tượng không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (sau đây gọi chung là chủ dự án đầu tư, cơ sở).

2. Đối tượng phải có giấy phép môi trường - trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp khi xin cấp giấy phép

2.1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường

- Dự án đầu tư nhóm I (Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao), nhóm II (dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường), nhóm III (dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường), nhóm iv (là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường) có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả

2 Khoản 4 Điều 40 Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường số: 21/VBHN-VPQH ngày 29/12/2022.



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức (trừ trường hợp là dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày 01/01/2022 có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2.2. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp khi xin cấp giấy phép môi trường

- Chuẩn bị và nộp hồ sơ đề nghị cấp

giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường được quy định trong giấy phép môi trường, bao gồm: bảo đảm nồng độ chất thải xả ra môi trường đạt tiêu chuẩn xả thải; xử lý, quản lý, vận chuyển, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định; nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư, xây dựng, vận hành, ngừng hoạt động, thanh lý, tái sử dụng, tái chế, tái tạo, phục hồi môi trường.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện giấy phép môi trường theo yêu cầu; chịu trách nhiệm

về hậu quả do vi phạm các quy định về cấp giấy phép môi trường gây ra.

- Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường khi có sự thay đổi về chủ thể, địa điểm, quy mô, công nghệ, thiết bị, chất thải, chất thải nguy hại, phế liệu của dự án đầu tư, cơ sở; khi giấy phép môi trường bị mất, hư hỏng, không rõ nội dung; khi hết thời hạn giấy phép môi trường.

2.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường

2.3.1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường;
- b) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;
- c) Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

2.3.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường được quy định như sau:

- a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 của Luật này. Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tham vấn ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; kiểm tra thực tế thông tin dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh

doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; tổ chức việc thẩm định, cấp giấy phép môi trường.

Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thông báo kết quả được thực hiện trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở;

c) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải lấy ý kiến bằng văn bản và đạt được sự đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép môi trường;

d) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải lấy ý kiến bằng văn bản của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đó trước khi cấp giấy phép môi trường.

2.3.3. Việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện trên cơ sở thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quy định của Chính phủ.

Đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, trong thành phần hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, đoàn kiểm tra phải có đại diện cơ quan

nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó.

Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi có trách nhiệm cử thành viên tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra, có ý kiến bằng văn bản về việc cấp giấy phép môi trường trong thời hạn lấy ý kiến; trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận với việc cấp giấy phép môi trường.

2.3.4. Thời hạn cấp giấy phép môi trường được tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và được quy định như sau:

a) Không quá 45 ngày đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Không quá 30 ngày đối với giấy

phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường có thể quy định thời hạn cấp giấy phép môi trường ngắn hơn so với thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này phù hợp với loại hình, quy mô, tính chất của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

3. Những vấn đề thực tiễn về quy định xin cấp giấy phép môi trường - Thực trạng và giải pháp

3.1. Thực trạng

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là cơ sở và một bộ phận người dân về môi trường và bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, ý



Ảnh minh họa
(Nguồn: Internet)

thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường chưa cao. Công tác quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nơi vẫn để xảy ra tình trạng chặt phá rừng; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng thiếu bền vững, thậm chí còn vi các quy định của phạm pháp luật về khai thác tài nguyên, khoáng sản. Số lượng dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, sản xuất, dịch vụ có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường, chất thải nguy hại, phế liệu ngày càng tăng; mức độ phức tạp và nhạy cảm của các lĩnh vực liên quan đến môi trường ngày càng cao; yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng nghiêm ngặt.

- Sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, công nghệ, thiết bị, chất thải, chất thải nguy hại, phế liệu; sự thiếu nhất quán, thiếu cập nhật, thiếu đồng bộ giữa các văn bản pháp luật về cấp giấy phép môi trường; sự thiếu thực tiễn, thiếu khoa học, thiếu khách quan và công bằng trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy chế, hướng dẫn về cấp giấy phép môi trường.

- Sự phân cấp, phân công, phân bổ thẩm quyền cấp giấy phép môi trường chưa rõ ràng, chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tiễn; sự thiếu nhất quán, thiếu minh bạch, thiếu công khai trong việc cấp giấy phép môi trường; sự thiếu hợp tác, thiếu thông tin, thiếu trao đổi giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Sự thiếu hấp dẫn, thiếu cạnh tranh, thiếu động lực của ngành quản lý nhà nước về môi trường; nguồn lực của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường ngày

càng thiếu hụt, do thiếu đào tạo, thiếu bồi dưỡng, thiếu cập nhật kiến thức và kỹ năng cho các cán bộ, công chức, viên chức; sự thiếu kiểm tra, thiếu giám sát, thiếu đánh giá và thiếu xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của các cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Giải pháp

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, xử lý chất thải, quản lý chất thải nguy hại, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Đây là vấn đề cần thiết để bảo đảm việc sử dụng, khai thác, tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên, hoặc phát sinh nước thải, bụi, khí thải, chất thải nguy hại, phế liệu, hoặc ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, cảnh quan, di sản văn hóa được tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, sạch sẽ, không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hoặc nếu có phải được xử lý, khắc phục, cải tạo và phục hồi môi trường.

- Bảo đảm đủ nhân lực, trang thiết bị, kỹ năng và nguồn lực tài chính để thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, năng lực và trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức trong việc cấp giấy phép môi trường, tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sót trong quy định và thực hiện cấp giấy phép môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, sản xuất, dịch vụ tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Đây là vấn đề cần thiết để nâng cao chất

lượng và uy tín của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường, đồng thời phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lạm dụng quyền hạn, thiếu trung thực và minh bạch trong việc cấp giấy phép môi trường.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy chế, hướng dẫn cụ thể và thống nhất về cấp giấy phép môi trường. Đây là vấn đề cần thiết để nâng cao tính khoa học, khách quan và công bằng trong việc cấp giấy phép môi trường, đồng thời tăng cường sự kiểm soát, giám sát và đánh giá kết quả của công tác cấp giấy phép môi trường, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về cấp giấy phép môi trường.

- Tạo điều kiện cho các bên liên quan được tiếp cận, cung cấp, trao đổi thông tin về cấp giấy phép môi trường. Đây là vấn đề quan trọng để bảo đảm sự minh bạch, công khai, dân chủ và hiệu quả của quá trình cấp giấy phép môi trường. Thông tin về cấp giấy phép môi trường bao gồm thông tin về các quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy trình, quy chế, hướng dẫn về cấp giấy phép môi trường; thông tin về các hoạt động liên quan đến môi trường cần cấp giấy phép; thông tin về các báo cáo đánh giá tác động môi trường, các hồ sơ cấp giấy phép môi trường, các quyết

định cấp giấy phép môi trường; thông tin về các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về cấp giấy phép môi trường. Các bên liên quan cần được tiếp cận, cung cấp, trao đổi thông tin về cấp giấy phép môi trường một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác, dễ hiểu và dễ tiếp cận.

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến môi trường. Cần phổ biến rộng rãi các quy định pháp luật, các tiêu chuẩn, quy trình, quy chế, hướng dẫn về cấp giấy phép môi trường, các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc bảo vệ môi trường cộng đồng, các lợi ích và tác hại của việc bảo vệ hoặc vi phạm môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm về cấp giấy phép môi trường. Đây là vấn đề cần thiết để bảo đảm việc thực hiện giấy phép môi trường được tuân thủ nghiêm túc và hiệu quả, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, sản xuất, dịch vụ, cộng đồng và nhà nước, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

NHẬN ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP, THƯỚC ĐO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ NĂM 2023

Nguyễn Văn Học,
Chủ tịch Hội doanh nhân,
doanh nghiệp tỉnh Bình Định

Xác định công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, thời gian qua với sự quyết tâm và nỗ lực cao, ngành thuế đã đạt được nhiều kết quả vượt trội, được Chính phủ, Bộ Tài chính cũng như người dân, DN ghi nhận và đánh giá cao.



Tọa đàm: Chính sách hỗ trợ người nộp thuế vượt khó chuyển đổi số nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế
Nguồn: thuenhanuoc.vn

1. Những nỗ lực cố gắng của ngành Thuế, Hải quan trong Cải cách thủ tục hành chính thuế

Xác định công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, thời gian qua với sự quyết tâm và

nỗ lực cao, ngành thuế đã đạt được nhiều kết quả vượt trội, được Chính phủ, Bộ Tài chính cũng như người dân, DN ghi nhận và đánh giá cao.

Đẩy mạnh công tác xây dựng thể chế. Trong công tác xây dựng thể chế, giai đoạn 2021-2023, Bộ Tài chính,

Tổng cục Thuế cơ bản hoàn thành các chương trình đề ra, trong đó trọng tâm là các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đạt được các mục tiêu đề ra. Theo đó, Bộ Tài chính đã trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền 60 văn bản quy phạm pháp luật (trong đó có: 11 nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH; 19 nghị định của Chính phủ; 4 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 26 Thông tư của Bộ Tài chính). Tổng quy mô các giải pháp hỗ trợ năm 2020 khoảng 129 nghìn tỷ đồng, năm 2021 khoảng 145 nghìn tỷ đồng, năm 2022 khoảng 233 nghìn tỷ đồng. Trong những tháng đã qua của năm 2023, Bộ Tài chính cũng đã khẩn trương nghiên cứu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền cũng như ban hành theo thẩm quyền các giải pháp về miễn, giảm, gia hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ cho DN, người dân với tổng giá trị dự kiến là khoảng 196 nghìn tỷ đồng, trong đó: Số tiền được gia hạn khoảng 121 nghìn tỷ đồng; số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được miễn, giảm khoảng 75 nghìn tỷ đồng. Đặt trong bối cảnh nguồn thu NSNN bị ảnh hưởng lớn, trong khi đó vẫn phải đảm bảo nhu cầu chi cho các hoạt động thường xuyên, đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển và đặc biệt là việc tăng nhu cầu chi về an sinh xã hội... thì việc thực hiện các giải pháp hỗ trợ nêu trên càng thể hiện sự quyết tâm luôn đồng hành, hỗ trợ DN, người dân.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính. Đối với công tác kiểm soát TTHC, trong các năm 2022 và 9 tháng đầu

năm 2023, Tổng cục Thuế đã ban hành 23 quyết định và nhiều lượt văn bản chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát TTHC. Từ năm 2020-2023, Tổng cục Thuế đã trình Bộ Tài chính ban hành 10 quyết định công bố mới 53 TTHC; sửa đổi, bổ sung, thay thế 183 TTHC; bãi bỏ 117 TTHC. Riêng năm 2022 và các tháng đầu năm 2023, Tổng cục Thuế đã trình Bộ Tài chính 8 quyết định công bố cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuế và 2 quyết định công bố chế độ báo cáo. Theo đó, số TTHC đã giảm từ 304 xuống còn 234 thủ tục (trong đó 103/234 thủ tục đạt mức độ 3-4 và 97/103 thủ tục được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia), tương ứng với tiết kiệm trên 524 tỷ đồng chi phí tuân thủ TTHC. Kết quả này đã vượt mục tiêu về thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 20% quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ.

Ứng dụng mạnh mẽ CNTT. Cùng với cải cách TTHC, những năm qua, Ngành Thuế luôn được đánh giá là một trong số các đơn vị đi đầu về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử của ngành tài chính, trong đó đặc biệt chú trọng vào hiện đại hóa công nghệ thông tin. Đến nay, các dịch vụ khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử đã được triển khai tại tất cả cơ quan thuế các cấp. Tính đến 30/9/2023, cả nước đã có 872.701 DN sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử trên tổng số 873.297 DN đang hoạt động, đạt tỷ lệ 99,93%. Ngoài ra, để tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế, ngành thuế còn triển khai dịch vụ khai, nộp

thuế điện tử dành cho cá nhân; hoàn thành triển khai khai thuế điện tử đối với hoạt động cho thuê tài sản (trong đó có hoạt động cho thuê nhà) tại 63 cục thuế và các chi cục thuế. Dịch vụ hỗ trợ khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử ô tô, xe máy cũng được triển khai tại một số tỉnh, TP và bước đầu mang lại hiệu quả... Đặc biệt, việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử, ứng dụng eTax Mobile đã góp phần xây dựng một xã hội số minh bạch và thuận tiện, từ đó tiết giảm thời gian, chi phí cũng như những rủi ro cho người dân, DN. Để tạo ra thêm những thuận lợi, tiện ích cho DN trong thực hiện các thủ tục về thuế, Tổng cục Thuế đã kích hoạt hệ thống eTax gồm 479 kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế thống nhất từ Tổng cục Thuế đến 63 cục thuế và 413 chi cục thuế, hoạt động thường xuyên, liên tục và thông suốt 24/7.

2. Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về những nỗ lực CCTHC của Ngành thuế, ngành Hải quan.

Đánh giá những nỗ lực của Ngành thuế và ngành Hải quan trong thời gian qua nói chung và năm 2023 nói riêng, cộng đồng doanh nghiệp nhận thấy, nỗ lực cải cách của Bộ Tài chính, ngành thuế và ngành hải quan trong việc đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp duy trì và khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh các hoạt động kinh tế khó khăn khi có quá nhiều biến động của thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt sau đại dịch Covid-19. Những nỗ lực đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiểm

soát có hiệu quả các quy trình, đã tạo cơ sở để doanh nghiệp giảm chi phí và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, Nhiều hoạt động của các cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính đã lấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp làm thước đo đánh giá năng lực, hiệu lực hiệu quả của cơ quan.

Các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến theo các hình thức khác nhau cũng đã được triển khai, kể cả trên truyền hình, các hội nghị đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp theo chuyên đề, theo các cấp khác nhau trong hệ thống quản lý, tiếp tục thể hiện sự cầu thị và tư duy đổi mới trong hoạt động.

Hàng năm, cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan các cấp thường định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp theo cơ chế thường niên một năm ít nhất 1 lần để hỗ trợ giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp, lắng nghe các ý kiến, kiến nghị nhằm tiếp tục đẩy mạnh quá trình cải cách thủ tục hành chính, hệ thống văn bản pháp quy để đảm bảo công tác quản lý Nhà nước và tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoàn thành thủ tục nhanh gọn, đơn giản, tiết kiệm khi thực hiện các yêu cầu và nghĩa vụ với Nhà nước.

Có thể khẳng định, trong thời gian qua, ngành Thuế đã luôn sát cánh với DN để vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ các chính sách hỗ trợ về thuế phí được ban hành kịp thời, cộng đồng DN, nhất là các đơn vị có quy mô vừa và nhỏ có thêm nguồn lực ổn định sản xuất kinh doanh. Đó thực sự là sự sẻ chia cần thiết của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế với cộng đồng DN, bởi khi đã



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến, Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát biểu tại “Hội nghị đối thoại về chính sách, thủ tục hành chính thuế, hải quan năm 2022”
(Nguồn: Cổng TTĐT Bộ Tài chính)

vượt qua khó khăn, các DN sẽ có đóng góp trở lại cho NSNN.

3. Những vướng mắc còn tồn tại cần tiếp tục cần tiếp tục tháo gỡ.

Mặc dù, đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, nhưng do hoạt động sản xuất kinh doanh rất đa dạng và chính sách luôn có độ trễ nhất định. Do đó các DN phản ánh vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong thực tiễn. Cụ thể, trong lĩnh vực thuế, nhiều DN phản ánh vẫn gặp phải những vướng mắc về thủ tục hoàn thuế GTGT, về hóa đơn điện tử, qui định nộp thuế tại địa phương đối với DN hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh; vấn đề đảm bảo uy tín cho DN khi xử lý chậm nộp thuế, một số qui định mới về nợ đọng thuế tính gộp cho DN, về xử lý khi doanh nghiệp bị truy cứu hóa đơn bất hợp pháp...

Trong lĩnh vực hải quan, nhiều DN phản ánh về thời gian giải quyết việc

cấp giấy phép nhập khẩu tiền chất; hoàn thuế xuất nhập khẩu; kiến nghị giảm thời gian hoàn thuế; quy định rõ số lần soi chiếu hàng hóa; cơ chế hoàn thuế cho DN chế xuất...

Dưới đây, chúng tôi xin tập hợp lấy Ví dụ về những vướng mắc doanh nghiệp kiến nghị tại Hội nghị đối thoại về chính sách thuế vừa Tổ chức tại Hà Nội và Tp HCM tháng 12 năm 2023 vừa qua và một số Hội nghị tại các Hiệp hội doanh nghiệp địa phương. Cụ thể

Hoàn thuế VAT vẫn là vấn đề nhận được nhiều ý kiến vướng mắc của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực thuế, nhiều doanh nghiệp phản ánh về thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng, Cụ thể đối với mặt hàng mặt hàng ngành gỗ, sản phẩm dăm gỗ, cao su, tinh bột sắn..., Tổng cục Thuế hướng dẫn các Cục thuế thực hiện rà soát xác minh qua các khâu mua hàng từ F1, F2 đến khâu thu mua là quá mức

cần thiết. Bởi theo quy định của luật Thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế VAT chỉ phát sinh và phải nộp từ khâu chế biến có hóa đơn VAT. Việc yêu cầu xác minh ở nhiều khâu là không cần thiết, không có cơ sở, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu dầm gỗ, tinh bột sắn... cần thu mua từ rất nhiều địa bàn, Những quy định bất cập của ngành thuế liên quan đến vấn đề này đã được doanh nghiệp kiến nghị nhiều năm nhưng chưa có phương án giải quyết, điều đó đã khiến các doanh nghiệp chịu thiệt hại nặng nề do đứt gãy dòng tiền hoàn thuế VAT.

Vấn đề kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp cho người lao động cũng đang gặp khó khăn:

Hiện nay, vấn đề kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp cho người lao động cũng đang gặp khó khăn. Hiện tại, có nhiều doanh nghiệp ngành dệt may, da giày, thủy sản sử dụng lao động lớn hàng ngàn lao động. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn thực hiện kê khai thay thuế thu nhập cá nhân theo uỷ quyền, nhiều lao động có thu nhập từ hai nơi

trở lên nhưng không khai báo đầy đủ với doanh nghiệp, trong khi đó nhân lực của công ty có hạn, không thể xác minh hết được nội dung này, khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện ra sai sót và doanh nghiệp bị phạt.

Do đó, doanh nghiệp đề nghị cơ quan thuế nghiên cứu về nội dung này để có sửa đổi về quy định cho phù hợp.

Vì sao người bán vi phạm nhưng người mua phải chịu?

Đại diện nhiều DN có ý kiến về việc thời gian qua, nhiều DN nhận được rất nhiều thông báo từ cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn từ các doanh nghiệp ngừng kinh doanh, bỏ trốn. Thực tế, khi doanh nghiệp mua hàng, nhận được hóa đơn có tiến hành tra cứu thông tin các doanh nghiệp này trên web của Tổng cục Thuế cũng như Bộ KH-ĐT thì tại thời điểm đó, hóa đơn của họ vẫn hợp lệ. Nhưng sau đó các doanh nghiệp bỏ trốn, dẫn đến cơ quan thuế thông báo doanh nghiệp giải trình, điều chỉnh giảm khấu trừ từ các hóa đơn này. DN đề nghị Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính có cơ chế quản lý hiệu quả hơn, tránh việc người bán vi



Cục Thuế TP Hà Nội giải đáp trực tuyến các thắc mắc của người nộp thuế

phạm mà người mua phải chịu.

Cần sớm ban hành hoàn thiện cơ chế về kiểm tra chuyên ngành

Các DN kiến nghị ngành Hải quan thời gian tới tiếp tục cải thiện, cắt giảm kiểm tra chuyên ngành. Bởi năm qua tình hình khó khăn, có thời điểm doanh nghiệp giảm đơn hàng tới 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Tình trạng hoãn, hủy đơn hàng khiến doanh nghiệp ngày càng khó khăn. DN kiến nghị về quy định tỷ lệ hàng hóa kiểm tra hải quan: “Chẳng hạn công ty có lô hàng 10 container, nếu soi chiếu toàn bộ thì chi phí rất cao, gây khó khăn cho doanh nghiệp, trong khi năm qua tình hình kinh tế không được tốt. Hiện nay, có DN mỗi tháng phải soi chiếu hàng 2-3 lần, mỗi lần nhiều container, làm tăng chi phí rất lớn doanh nghiệp.

Các DN nhìn nhận 7 vấn đề trong kiểm tra chuyên ngành, chưa được cải thiện nhiều, Đó là: số lượng mặt hàng kiểm tra chuyên ngành nhiều. Thậm chí 1 mặt hàng phải chịu kiểm tra chuyên ngành nhiều nội dung khác nhau; Chưa có danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành mà được cụ thể hóa, có mã số cụ thể; Kiểm tra chuyên ngành mà chưa có đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, từ đó, gây vướng mắc cho cơ quan thực hiện; Nhiều văn bản chồng chéo về kiểm tra chuyên ngành; Trình tự thủ tục rất phức tạp, gây thêm chi phí cho doanh nghiệp...

Các DN khẩn thiết đề nghị các Bộ ngành cần sớm phối hợp để trình Chính phủ Nghị định về kiểm tra chuyên ngành, bởi vấn đề này, các DN đã kiến nghị nhiều lần nhưng gần 3 năm rồi chưa ra được Nghị định, chỉ vì ý kiến của Bộ Tài chính – Tổng cục Hải

quan với các bộ ngành hiện chưa nhất quán nên chưa ban hành được.

Cần nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ để doanh nghiệp có thể chủ động truy cập, xác định xem hoá đơn của doanh nghiệp có đảm bảo quy định không

Các DN cho rằng, thời gian qua, cơ quan thuế đã thực hiện chuyển đổi số, hỗ trợ nhiều cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp mong muốn cơ quan thuế nghiên cứu, xây dựng bộ công cụ để doanh nghiệp có thể chủ động truy cập, xác định xem hoá đơn của doanh nghiệp có đảm bảo quy định không, có vi phạm về nghĩa vụ với nhà nước không. Hiện tại, doanh nghiệp vẫn đang phải truy cập vào website của Tổng cục Thuế để tìm hiểu thông tin. Tuy nhiên, việc truy cập này nhiều khi không kịp thời, có khi bị nghẽn, trong khi đó, số lượng hoá đơn của doanh nghiệp rất lớn, nếu sai sót một vài hoá đơn cũng có thể ảnh hưởng đến xếp loại doanh nghiệp.

Ngoài những thắc mắc về những vấn đề nêu trên, những vấn đề khác như: Doanh nghiệp thành lập quỹ để đầu tư hoạt động khoa học công nghệ, sau 5 năm chưa sử dụng hết 70% số quỹ, phần còn lại có phải thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp không?; Quy trình xin miễn giảm thuế với doanh nghiệp bị hỏa hoạn; thuế đất phi nông nghiệp do người cho thuê nộp hay người thuê nộp; biện pháp hậu kiểm với doanh nghiệp nhập khẩu hàng miễn thuế nhưng sử dụng không đúng mục đích...đều là những vấn đề vướng mắc hiện nay doanh nghiệp đang cần Bộ Tài chính và các Cơ quan sớm kịp thời tháo gỡ.

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

Những vấn đề về Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định, liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển